

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

**CHƯƠNG TRÌNH CHUYÊN SÂU THPT CHUYÊN
MÔN: NGỮ VĂN**

Hà Nội, 12/2009

LỚP 10

I. MỤC ĐÍCH

- 1) Thống nhất trên phạm vi toàn quốc kế hoạch và nội dung dạy học môn Ngữ văn cho các trường THPT chuyên.
- 2) Thống nhất trên phạm vi toàn quốc nội dung bồi dưỡng học sinh giỏi cấp THPT

II. KẾ HOẠCH DẠY HỌC

Tổng số tiết : 150% của chương trình nâng cao, trong đó 50% dành cho nội dung chuyên sâu

Tổng thời lượng môn Ngữ văn của Chương trình Nâng cao là 4 tiết x 35 tuần = 140 tiết/ năm

- Tổng thời lượng cho môn Ngữ văn của trường Chuyên là 6 tiết x 35 tuần = 210 tiết /năm
- Tổng số tiết học thêm môn Ngữ văn của trường chuyên văn là : 70 tiết/ năm

Học kì I: 35 tiết

Học kì II: 35 tiết.

III. NỘI DUNG DẠY HỌC

3.1. Cấu trúc nội dạy học:

- Nội dung nâng cao: được quy định trong Chương trình nâng cao môn Ngữ văn lớp 10, ban hành kèm theo Quyết định số 16/2006/QĐ-BGDĐT ngày 95 tháng 5 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Nội dung chuyên sâu: được xây dựng dưới dạng các chuyên đề. Số tiết tối đa dành cho mỗi chuyên đề là 7 tiết, tối thiểu là 4 tiết. Số tiết của nội dung chuyên sâu chủ yếu dành cho phần văn học (văn học dân gian, văn học trung đại, văn học nước ngoài, lí luận văn học), sau đó là Làm văn. Nội dung Tiếng Việt chủ yếu là thực hành phân tích vai trò, tác dụng của tiếng Việt trong tác phẩm văn học. Cụ thể

a) Số tiết dành cho phần Văn học là 51 tiết, trong đó:

+ Lý luận văn học: 1 chuyên đề, 5 tiết

+ Văn học dân gian : 3 chuyên đề, 18 tiết

+ Văn học Trung đại : 3 chuyên đề, 18 tiết

+ Văn học nước ngoài : 2 chuyên đề, 10 tiết

b) Số tiết dành cho Tiếng Việt là 7 tiết, 1 chuyên đề

c) Số tiết dành cho Làm văn là 12 tiết, 2 chuyên đề

Danh mục các chuyên đề chuyên sâu dành cho lớp 10

STT	Tên chuyên đề	Số tiết	Ghi chú
1	Văn học – nhà văn – Quá trình sáng tác	5	Trọng tâm: phần văn học
2	Những đặc trưng cơ bản của thi pháp ca dao Việt Nam	6	
3	Tinh thần nhân văn qua một số truyện cổ dân gian Việt Nam (thần thoại, sử thi, truyền thuyết, truyện thơ, cổ tích, truyện cười) trong chương trình Ngữ văn 10 nâng cao	7	
4	Vai trò của văn học dân gian đối với văn học viết	5	
5	Nguyễn Trãi – nhà tư tưởng lớn, nhà văn lớn	6	
6	Nguyễn Du – thơ chữ Hán và truyện Kiều	6	Trọng tâm : <i>Truyện Kiều</i>
7	Đặc trưng thi pháp văn học trung đại Việt Nam	6	
8	Sử thi cổ đại Hi Lạp, Ấn Độ qua tác phẩm Ôđixê của Hômerơ và Ramayana của Vanmiki	4	
9	Đặc trưng cơ bản của thơ Đường (qua các bài thơ Đường trong chương trình Ngữ văn 10 nâng cao)	6	
10	Sự giàu đẹp của tiếng Việt qua một số bài ca dao, các tác phẩm nôm và diễn nôm thời trung đại trong chương trình Ngữ văn 10 nâng cao	7	Trọng tâm: Ca dao và <i>Truyện Kiều</i>
11	Những yêu cầu cơ bản của một bài văn hay	7	

12	Đề văn: Phân tích và luyện tập	5	Trọng tâm : đề mở
----	--------------------------------	---	-------------------

3.2. Nội dung chuyên sâu

Chuyên đề 1: Văn học – Nhà văn – Quá trình sáng tác

Số tiết: 05

Nội dung	Mức độ cần đạt	Ghi chú
1. Văn học – Nhà văn – Quá trình sáng tác 1.1. Văn học a) Khái niệm văn học – Nghĩa rộng – Nghĩa hẹp tức văn nghệ thuật: Chuyển tải tư tưởng, tình cảm, thẩm mỹ bằng hình tượng nghệ thuật. b) Đặc trưng ngôn từ nghệ thuật - Kỹ năng riêng của tính phi vật thể của ngôn ngữ - Tính đa nghĩa của ngôn từ nghệ thuật. c) Các chức năng, các ý nghĩa và giá trị của văn học: Chức năng giao tiếp, chức năng giải trí, ý nghĩa tư tưởng, giá trị thẩm mỹ. d) Nguyên tắc phân chia các thể loại văn học. Điếm qua các thể loại văn học chính, thời cổ đại, trung đại. 1.2. Nhà văn a) Tư chất nghệ sĩ: Giàu tình cảm, tâm hồn phong phú, nhân cách đẹp. b) Các tiền đề của tài năng: Trực giác, tưởng tượng, trí nhớ tốt, tài quan sát, giàu trải	1. Kiến thức - Hiểu được các khái niệm văn học (nghĩa rộng, nghĩa hẹp), hình tượng nghệ thuật, đặc trưng ngôn từ nghệ thuật, các ý nghĩa và giá trị của văn học. - Nắm được nguyên tắc phân chia các thể loại văn học và đặc trưng thể loại của các văn bản trong chương trình. - Hiểu được những điểm cơ bản về tư chất nghệ sĩ, các tiền đề của tài năng văn học và quá trình sáng tạo của một vài tác phẩm văn học. 2. Kỹ năng - Phân biệt được bài văn theo nghĩa rộng và nghĩa hẹp. Phân tích, chứng minh được ý nghĩa, tư tưởng và giá trị thẩm mỹ của những văn bản văn học trong chương trình Ngữ văn 10 nâng cao, đồng thời qua đó, hiểu được thể nào là phẩm chất, tài năng của các tác giả. 3. Thái độ	- Học sinh đọc tài liệu tham khảo và trả lời các câu hỏi hướng dẫn. - Chú ý thực hành dưới hình thức bài tập viết hay thảo luận nhóm với các nội dung: + Phân tích các giá trị của một số văn bản văn học thuộc các thể loại khác trong chương trình Ngữ văn 10 nâng cao. + Trao đổi về tư cách, phẩm chất nhà văn và quá trình sáng tạo của một tác phẩm văn học qua tư liệu về một số nhà văn và tác phẩm được học trong chương trình.

nghiệm đời sống. 1.3. Quá trình sáng tạo a) Cảm hứng sáng tạo. b) Ý đồ sáng tác, lập sơ đồ hay đề cương. Viết, sửa chữa. 2. Thực hành, phân tích, đánh giá một số văn bản thuộc thể loại khác nhau. Phân tích quá trình sáng tác một tác phẩm cụ thể. Phân tích tư cách, phẩm chất của một nhà văn (từ những tư liệu cụ thể nắm được).	Thêm yêu quý các áng văn và các nhà văn được học trong chương trình Ngữ văn 10 nâng cao	+ Học sinh cần được cung cấp thêm tư liệu về nhà văn và quá trình sáng tạo tác phẩm văn học khai thác từ các sách báo, hồi ký, kinh nghiệm sáng tác của nhà văn, chân dung văn học v.v...
---	---	---

Chuyên đề 2: Những đặc trưng cơ bản của thi pháp ca dao Việt Nam

Số tiết : 06

Nội dung	Mức độ cần đạt	Ghi chú
1. Khái niệm thi pháp (đại cương) 2. Những đặc trưng cơ bản của thi pháp ca dao Việt Nam: a) Đặc trưng cái tôi trữ tình trong ca dao, tính tập thể trong sáng tác và tính truyền miệng trong lưu hành, giao tiếp khiến cái tôi trữ tình của ca dao không có dấu vết cá nhân cá thể. b) Thời gian, không gian diễn xướng (thời gian hiện tại, không gian trần thế, đời thường, bình dị, phiếm chỉ, gắn với môi trường sống thân thuộc của người bình dân). c) Các biểu tượng phổ biến (khác với các biểu tượng trong văn học viết).	1. Kiến thức Nắm được những nét cơ bản của thi pháp ca dao Việt Nam. 2. Kỹ năng - Phân tích và chứng minh được những đặc trưng cơ bản của thi pháp ca dao trong tương quan so sánh với thơ trong văn học viết. (Chủ yếu khai thác những văn bản ca dao và thơ của bộ phận văn học viết trong chương trình Ngữ văn 10 nâng cao) - Biết cách đọc hiểu ca dao theo đúng đặc trưng thi pháp của nó; thấy được cái hay cái	- Hướng dẫn học sinh đọc tài liệu tham khảo và trả lời các câu hỏi hướng dẫn học tập. - Cần chú trọng thực hành: + Rút ra nhận xét về đặc trưng thi pháp ca dao từ những bài ca dao cụ thể trong chương trình Ngữ văn 10 nâng cao. + So sánh ca dao với thơ

d) Mô hình câu từ. Các công thức ngôn từ thường lặp lại trong nhiều bài ca dao. e) Thể thơ lục bát được vận dụng một cách hồn nhiên, phóng túng và những biến thể của nó như đặc trưng riêng của ca dao. g) Ngôn từ giản dị, chất phác, ngắn gọn, gần với lời nói trong sinh hoạt đời thường. 3. Thực hành Phân tích những đặc trưng cơ bản của thi pháp ca dao qua những bài trong chương trình Ngữ văn 10 nâng cao. Chú ý so sánh với thơ trong bộ phận văn học viết	đẹp của ca dao...	trong bộ phận văn học viết (chú ý thơ lục bát và song thất lục bát), - Chú ý thực hành phân tích ca dao theo đặc trưng thi pháp hơn là cung cấp lí thuyết về thi pháp ca dao.
--	--------------------------	---

Chuyên đề 3 : Tinh thần nhân văn qua một số truyện cổ dân gian Việt Nam (thần thoại, sử thi, truyền thuyết, truyện thơ, cổ tích, truyện cười) trong chương trình lớp 10 nâng cao

Số tiết: 07

Nội dung	Mức độ cần đạt	Ghi chú
1. Nhân văn là thước đo giá trị văn học của mọi thời đại 2. Tinh thần nhân văn là tư tưởng xuyên suốt các loại hình truyện cổ dân gian Việt Nam với những biểu hiện phong phú: - Khát vọng chinh phục, chế ngự thiên nhiên, giải thích tự nhiên (<i>Đăm Săn, Để đất để nước</i>). - Khát vọng độc lập, tự cường (<i>An Dương Vương, My Châu – Trọng Thủy</i>). - Ngợi ca tình nghĩa, đạo lý (<i>Chử Đồng Tử, Tiễn dặn người yêu, Đăm Săn</i>). - Khát vọng về công lý: <i>Tấm Cám</i>, một số truyện cười. - Cái nhìn khoan dung đối với con người (<i>My Châu – Trọng Thủy</i>, một số truyện cười). 3. Thực hành phân tích tinh thần nhân văn của một số tác phẩm văn học dân gian.	1. Kiến thức - Hiểu được ý nghĩa cơ bản của khái niệm “nhân văn”, hiểu nhân văn là thước đo của văn học. - Hiểu được một số biểu hiện nổi bật của tinh thần nhân văn. - Khái quát được tinh thần nhân văn là tư tưởng xuyên suốt các truyện cổ dân gian Việt Nam. 2. Kỹ năng Phân tích được tinh thần nhân văn biểu hiện trong một truyện cổ dân gian Việt Nam, biết liên hệ với truyền thống văn hoá lâu đời của dân tộc. 3. Thái độ Trân trọng di sản văn học quá khứ, cảm thông với tâm tư, nguyện vọng của quần chúng nhân dân. Có ý thức về công bằng sự khoan dung trong xã hội hiện đại.	Học sinh đọc mở rộng thêm một số tác phẩm ngoài chương trình, trả lời câu hỏi hướng dẫn và thực hành phân tích tác phẩm.

Chuyên đề 4 : Vai trò của văn học dân gian đối với văn học viết Việt Nam

Số tiết : 05

Nội dung	Mức độ cần đạt	Ghi chú
1. Khái quát về vai trò, tác động to lớn của văn học dân gian đối với văn học viết nói chung (cả Việt Nam và nước ngoài) 2. Văn học viết Việt Nam đã chịu ảnh hưởng to lớn của VHDG trên nhiều phương diện: 2.1. Về phương diện nội dung: đề tài, nguồn cảm hứng, tư tưởng nhân ái, tình cảm lạc quan, yêu đời, tình yêu thiên nhiên, đất nước, tình yêu con người... 2.2. Về phương diện nghệ thuật: ngôn từ, hình ảnh, cách nói, các biện pháp tu từ, thể loại, chất liệu dân gian... 3. Thực hành phân tích vai trò và tác dụng của VHDG qua một số tác phẩm văn học viết cụ thể .	1. Kiến thức - Hiểu được vai trò và ý nghĩa to lớn của văn học dân gian đối với văn học viết. - Nắm được các phương diện văn học viết chịu sự tác động to lớn của văn học dân gian (về nội dung và nghệ thuật) 2. Kỹ năng - Nhận diện được dấu ấn của văn học dân gian trong một số tác phẩm văn học viết - Biết phân tích, chỉ ra vai trò và tác dụng của các yếu tố văn học dân gian trong các tác phẩm văn học viết. 3. Thái độ - Hiểu sâu hơn, trân trọng hơn các giá trị của văn học dân gian. - Có ý thức học tập và vận dụng các giá trị của văn học dân gian vào cuộc sống .	- HS ĐỌC TÀI LIỆU SUY NGHĨ THEO HỆ THỐNG CÂU HỎI HƯỚNG DẪN VÀ TỰ RÚT RA KẾT LUẬN VỀ CÁC NỘI DUNG LỚN ĐÃ NÊU Ở CỘT 1. - Thực hành phân tích vai trò và tác dụng của văn học dân gian đối với văn học viết là chính.

Chuyên đề 5: Nguyễn Trãi - Nhà tư tưởng lớn, nhà văn lớn.

Số tiết: 06

Nội dung	Mức độ cần đạt	Ghi chú
1. Nguyễn Trãi, một nhân vật lịch sử kiệt xuất, toàn tài, một nhà văn lớn 2. Nguyễn Trãi qua thơ văn chữ Hán: 2.1. Tư tưởng nhân nghĩa, tinh thần lo nước thương dân, chủ nghĩa anh hùng. 2.2. Những sáng tạo nghệ thuật. 3. Nguyễn Trãi qua thơ văn chữ Nôm: 3.1. Vị trí lịch sử của <i>Quốc âm thi tập</i> 3.2. Tâm sự của Nguyễn Trãi: Tình cảm thiên nhiên, những tâm sự sâu sắc về nhân tâm, thế sự. 3.3. Nguyễn Trãi với tiếng Việt, văn học dân gian và quan niệm thẩm mỹ độc đáo của Ức Trai. 4. Thực hành phân tích nội dung tư tưởng và các đóng góp nghệ thuật của Nguyễn Trãi qua các tác phẩm văn học cụ thể (chú ý những tác phẩm đọc thêm và chưa được học trong chương trình).	1. Kiến thức - Hiểu được vai trò và tầm cỡ đặc biệt của Nguyễn Trãi ở nhiều phương diện : nhà tư tưởng lớn, nhà văn hoá lớn. nhà văn lớn... - Nắm được các đóng góp to lớn và độc đáo của Nguyễn Trãi về tư tưởng và nghệ thuật trong sáng tác thơ văn. 2. Kỹ năng - Nhận diện được các biểu hiện về nội dung tư tưởng và nghệ thuật độc đáo của Nguyễn Trãi trong các tác phẩm của ông. - Biết phân tích, chỉ ra giá trị nội dung tư tưởng và nghệ thuật độc đáo trong các tác phẩm của Nguyễn Trãi.. 3. Thái độ - Hiểu sâu hơn, trân trọng và tự hào hơn về cuộc đời và thơ văn Nguyễn Trãi.	- HS ĐỌC TÀI LIỆU SUY NGHĨ THEO HỆ THỐNG CÂU HỎI HƯỚNG DẪN VÀ TỰ RÚT RA KẾT LUẬN VỀ CÁC NỘI DUNG LỚN ĐÃ NÊU Ở CỘT 1. - Thực hành phân tích các giá trị, đóng góp của Nguyễn Trãi qua thơ văn là chính.

--	--	--

Chuyên đề 6: Nguyễn Du – Thơ chữ Hán và Truyện Kiều.

Số tiết: 06

Nội dung	Mức độ cần đạt	Ghi chú
1. Nguyễn Du, một trái tim lớn, một nghệ sĩ lớn 2. Thơ chữ Hán của Nguyễn Du 2.1. Tâm sự của nhà thơ: nỗi thương đời, thương người 2.2. Quan niệm về nghệ thuật và nghệ sĩ . 3. Truyện Kiều – một tác phẩm lớn 3.1. “Tiếng khóc vĩ đại” (Xuân Diệu) 3.2. Từ <i>Kim Vân Kiều truyện</i> của Thanh Tâm tài nhân đến <i>Truyện Kiều</i> của Nguyễn Du. 3.3. Sự kết tinh những tinh hoa của văn chương bác học và văn chương bình dân qua một cá tính sáng tạo độc đáo. 4. Thực hành phân tích nội dung tư tưởng và các đóng góp nghệ thuật của Nguyễn Du qua các tác phẩm văn học cụ thể (chú ý những tác phẩm đọc thêm và chưa được học trong chương trình.)	1. Kiến thức - Hiểu được tâm hồn và tài năng của nhà thơ lớn Nguyễn Du. - Nắm được các biểu hiện của <i>một trái tim lớn, một nghệ sĩ lớn</i> qua thơ chữ Hán và <i>Truyện Kiều</i>. - Bước đầu thấy được những sáng tạo của Nguyễn Du qua <i>Truyện Kiều</i>. 2. Kỹ năng - Nhận diện được các biểu hiện của một trái tim lớn, một nghệ sĩ lớn qua các tác phẩm của Nguyễn Du. - Biết phân tích, chỉ ra giá trị nội dung tư tưởng và những sáng tạo nghệ thuật độc đáo trong các tác phẩm của Nguyễn Du.. 3. Thái độ - Hiểu sâu hơn, có thái độ trân trọng và tự hào về một thi hào dân tộc vĩ đại : Nguyễn Du	- HS ĐỌC TÀI LIỆU SUY NGHĨ THEO HỆ THỐNG CÂU HỎI HƯỚNG DẪN VÀ TỰ RÚT RA KẾT LUẬN VỀ CÁC NỘI DUNG LỚN. - Thực hành phân tích các giá trị và đóng góp của Nguyễn Du qua thơ văn.

--	--	--

Chuyên đề 7: Đặc trưng thi pháp văn học trung đại Việt Nam.

Số tiết: 06

Nội dung	Mức độ cần đạt	Ghi chú
1. Đặc trưng thi pháp văn học trung đại Việt Nam. 1.1. Tính ước lệ phổ biến và các tính chất của ước lệ văn học trung đại: tính uyên bác và cách điệu hoá; tính sùng cổ; tính phi ngã. 1.2. Quan niệm về thiên nhiên và con người “thiên nhân nhất thể”; Cảm hứng về thiên nhiên. Nhân vật lí tưởng 1.3. Quan niệm về thể loại văn học và bậc thang giá trị các thể loại. 2. Thực hành phân tích đặc trưng thi pháp văn học trung đại Việt Nam qua các tác phẩm văn học cụ thể (chú ý những tác phẩm đọc thêm và chưa được học trong chương trình).	1. Kiến thức - Hiểu được tính ước lệ nói chung và ước lệ của văn học trung đại. - Nắm được các phương diện thể hiện đặc trưng thi pháp văn học trung đại Việt Nam. - Bước đầu thấy được cái hay, cái đẹp riêng của thi pháp văn học trung đại qua một số tác phẩm cụ thể. 2. Kỹ năng - Nhận diện được các biểu hiện của thi pháp văn học trung đại qua các tác phẩm văn học cụ thể. - Biết vận dụng những đặc trưng thi pháp văn học trung đại Việt Nam để phân tích một tác phẩm cụ thể. 3. Thái độ - Có ý thức vận dụng những hiểu biết về thi pháp văn học trung đại vào đọc-hiểu thơ văn trung đại và viết bài phân tích văn học.	- HS ĐỌC TÀI LIỆU SUY NGHĨ THEO HỆ THỐNG CÂU HỎI HƯỚNG DẪN VÀ TỰ RÚT RA KẾT LUẬN VỀ CÁC NỘI DUNG LỚN ĐÃ NÊU Ở CỘT 1. - Thực hành phân tích các đặc trưng thi pháp văn học trung đại qua thơ văn là chính.

--	--	--

Chuyên đề 8: Sử thi cổ đại Hy Lạp, Ấn Độ qua tác phẩm "Ôđixê" của Hômer và "Ramayana" của Vanmiki
Số tiết: 04

Nội dung	Mức độ cần đạt	Ghi chú
1. Giới thiệu đầy đủ cốt truyện của Ôđixê và Ramayana 2. Bối cảnh lịch sử đã sản sinh ra Ôđixê và Ramayana 3. Hình tượng người anh hùng trong sự nghiệp của cộng đồng (<i>Ulyx và Rama</i>). 4. Hình ảnh mới lạ về thế giới trong khát vọng chinh phục và khám phá của con người cổ đại. 5. Những nét tương đồng (chủ yếu) và đôi nét khác biệt giữa sử thi Hi Lạp và sử thi Ấn Độ về nội dung và hình thức nghệ thuật qua hai tác phẩm Ôđixê và Ramayana.	1. Kiến thức - Nắm được cốt truyện của sử thi Ôđixê Hi Lạp và sử thi Ramayana của Ấn Độ. Hiểu hoàn cảnh lịch sử đã sản sinh ra các sử thi này. - Nắm được những đặc trưng cơ bản chung của sử thi cổ đại qua Ôđixê và Ramayana (đề tài, chủ đề, xung đột, nhân vật, những vẻ đẹp của nghệ thuật hoành tráng, màu sắc hào hùng, kỳ vĩ...). Bước đầu thấy được đôi nét về màu sắc riêng của sử thi Hi Lạp và Ấn Độ hai qua tác phẩm Ôđixê và Ramayana. 2. Kỹ năng - Biết phân tích tác phẩm sử thi cổ đại, nhất là chỉ ra được những đặc sắc của bút pháp kỳ vĩ hoá và cảm hứng ca ngợi sự nghiệp người anh hùng của cộng đồng. - Nhận diện được dấu ấn của sử thi cổ đại trong một số tác phẩm văn học hiện đại đã học. 3. Thái độ Trân trọng di sản văn học quá khứ của nhân loại.	Học sinh đọc tư liệu tham khảo về tác giả, tác phẩm, trả lời câu hỏi hướng dẫn và thực hành phân tích trích đoạn.

Chuyên đề 9: Đặc trưng cơ bản của Thơ Đường qua các bài thơ Đường trong chương trình Ngữ văn 10 nâng cao

Số tiết: 06

Nội dung	Mức độ cần đạt	Ghi chú
1. Đặc trưng cơ bản của thơ Đường - Câu từ bằng xác lập những quan hệ tương đồng hay đối lập giữa các sự vật, hiện tượng, giữa không gian, thời gian, giữa các trạng thái tình cảm, giữa tình và cảnh... - Ngôn ngữ tinh luyện cao độ với những từ đắt (nhân tự) gợi được linh hồn của đối tượng thể hiện. - Tính hàm súc cao, nhiều bình diện nghĩa dồn nét trong một phạm vi chữ nghĩa rất hạn chế, tạo nên những ý ngoài lời (ý tại ngôn ngoại). 2. Tìm hiểu kỹ hơn các tác phẩm đọc thêm: <i>Hoàng hạc lâu</i> (Thôi Hiệu), <i>Khuê oán</i> (Vương Xương Linh), <i>Điếu minh giản</i> (Vương Duy) trên các phương diện: hoàn cảnh sáng tác, đề tài, nội dung cảm xúc và ngôn ngữ thơ. 3. Tìm hiểu trên nét lớn ảnh hưởng của thơ Đường tới thơ Việt qua một vài trường hợp cụ thể. 4. Thực hành phân tích tác phẩm từ góc độ	1. Kiến thức - Nắm được những đặc trưng cơ bản của thơ Đường, từ đó nhận ra được những đặc điểm ấy trong các bài thơ Đường trong chương trình Ngữ văn 10 nâng cao. - Từ chỗ hiểu được những đặc điểm chung của thơ Đường, thấy được: + Đặc sắc riêng của từng tác phẩm cụ thể. + Nhận diện được phong cách tác giả qua tìm hiểu hoàn cảnh sáng tác, sự lựa chọn thi đề, thi liệu và cấu từ bài thơ. 2. Kỹ năng - Biết phân tích một bài thơ Đường từ đặc trưng thể loại, chỉ ra được chỗ độc đáo của tác giả (thí dụ cách lập tứ của Vương Duy, dụng công ở hình ảnh, ngôn từ của Thôi Hiệu...) - Biết nhận ra ảnh hưởng của thơ Đường trong một bài thơ tiếng Việt hiện đại. 3. Thái độ Trân trọng một di sản thi ca của nhân loại, đồng thời có ý thức về nhu cầu cách tân của nghệ thuật thi ca ở mỗi thời.	Học sinh đọc tài liệu tham khảo, trả lời câu hỏi hướng dẫn và thực hành phân tích tác phẩm.

đặc trưng thể loại thơ Đường và cá tính sáng tạo của tác giả.		
---	--	--

Chuyên đề 10: Sự giàu đẹp của tiếng Việt qua một số bài ca dao, các tác phẩm nôm và diễn nôm thời trung đại trong chương trình Ngữ văn 10 nâng cao

Số tiết: 07

Nội dung	Mức độ cần đạt	Ghi chú
1. Tiếng Việt rất giàu và đẹp - Thế nào là một ngôn ngữ giàu và đẹp - Những phương diện thể hiện tiếng Việt rất giàu. - Những phương diện thể hiện tiếng Việt rất đẹp. 2) Phân tích và chứng minh tiếng Việt giàu và đẹp qua một số bài ca dao tiêu biểu 3) Phân tích và chứng minh tiếng Việt giàu và đẹp qua một số đoạn trích <i>Cung oán ngâm</i> của Nguyễn Gia Thiều, <i>Hàn nho phong vị phú</i> của Nguyễn Công Trứ, các bản diễn nôm <i>Chinh phụ ngâm</i> của Đoàn Thị Điểm, <i>Tỳ bà hành</i> của Phan Huy Vịnh. 4) Phân tích và chứng minh tiếng Việt giàu và đẹp qua một số đoạn trích <i>Truyện Kiều</i> của Nguyễn Du. 5) Bài học rút ra từ sự phân tích những áng	1. Kiến thức - Hiểu được thế nào là sự giàu đẹp của ngôn ngữ. - Nắm được các phương diện thể hiện sự giàu đẹp của tiếng Việt. - Hiểu được sự giàu đẹp của tiếng Việt qua một số bài ca dao, những tác phẩm nôm và diễn nôm trong chương trình Ngữ văn 10 nâng cao. 2. Kỹ năng - Nhận ra được các biểu hiện về sự giàu, đẹp của tiếng Việt - Biết nhận ra và phân tích sự giàu đẹp của tiếng Việt qua một số bài ca dao, các trích đoạn tác phẩm nôm và diễn nôm trong chương trình Ngữ văn 10 nâng cao. 3. Thái độ - Biết nâng niu, quý trọng tiếng mẹ đẻ - Có ý thức học tập tiếng mẹ đẻ và góp phần giữ gìn sự giàu đẹp, trong sáng của tiếng Việt.	- Cung cấp tư liệu bàn về sự trong sáng, giàu có của tiếng Việt. - HS đọc tài liệu, suy nghĩ theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn và tự rút ra kết luận về sự giàu, đẹp của tiếng Việt qua một số bài ca dao, các tác phẩm nôm và diễn nôm trong chương trình Ngữ văn 10 nâng cao. - Thực hành phân tích sự giàu, đẹp của tiếng Việt qua các ví dụ rút từ một số bài ca dao, các đoạn trích

văn trên - Bài học về thái độ đối với tiếng mẹ đẻ - Bài học về công phu học tập, trau dồi tiếng Việt.		tác phẩm nôm và diễn nôm trong chương trình Ngữ văn 10 nâng cao (trọng tâm: ca dao Việt Nam và <i>Truyện Kiều</i> của Nguyễn Du)
---	--	---

Chuyên đề 11: Những yêu cầu cơ bản của một bài văn hay

Số tiết: 07

Nội dung	Mức độ cần đạt	Ghi chú
1. Yêu cầu về nội dung và về cách trình bày, diễn đạt của một bài văn hay. 1.1. Yêu cầu về nội dung: a) Trước hết phải có ý đầy đủ và đúng (đúng theo yêu cầu của đề và đúng về kiến thức). b) Ý đúng không đủ, phải hay nữa. Ý hay là ý mới, sâu sắc, ý riêng. c) Phân loại ý và phương pháp phát triển ý trong một bài văn: - Ý thuộc các kiểm bài khác nhau: nghị luận, tự sự, miêu tả, biểu cảm, thuyết minh. - Các cấp độ ý: đề tài, chủ đề, luận đề, luận cứ. - Cách phát triển ý cho bài văn: Yêu cầu của việc phát triển ý và các cách phát triển ý. 1.2. Yêu cầu về hình thức, cách diễn đạt về hành văn - Thế nào là hành văn hay. - Một số phương thức, thủ pháp khai thác khả năng nghệ thuật của ngôn từ tạo nên cái hay trong hành văn. 2. Luyện tập, thực hành	1. Kiến thức - Hiểu thế nào là một bài văn hay, các yếu tố tạo nên bài văn hay từ nội dung (lập ý) đến hành văn... - Hiểu thế nào là ý của một bài văn, các cấp độ của ý và các loại ý ứng với từng kiểu bài, và nắm được cách phát triển ý cho các kiểu văn bản. 2. Kỹ năng - Biết đánh giá đoạn văn, bài văn hay và biết phân tích những yếu tố tạo nên cái hay của đoạn văn hay bài văn. - Biết lập ý cho bài văn theo các kiểu văn bản khác nhau đã học và biết phát triển ý : từ luận đề triển khai ra luận điểm, từ luận điểm, xác lập luận cứ. - Biết cách thức tạo ra đoạn văn, bài văn hay 3. Thái độ Có ý thức và quyết tâm rèn luyện viết văn hay	- Cung cấp mẫu về ý hay và đoạn văn, bài văn hay. - HS đọc tài liệu lí thuyết và những mẫu văn hay, suy nghĩ theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn, tự mình rút ra kết luận thế nào là ý hay, bài văn hay. - Thực hành lập ý và tập viết một bài văn hay theo tiêu chuẩn hay: có ý hay, phát triển ý tốt, hành văn hay.

a) Nhận diện và phân tích cái hay trong một đoạn văn, một bài văn hay. b) Luyện tập phát triển ý theo các kiểu bài : nghị luận, tự sự, miêu tả, biểu cảm, thuyết minh.		
---	--	--

Chuyên đề 12: Đề văn: phân tích và luyện tập

Số tiết: 05

Nội dung	Mức độ cần đạt	Ghi chú
1. Thế nào là một đề văn 2. Các dạng đề văn cho học sinh giỏi 2.1. Các dạng đề theo phương thức: tự sự, miêu tả, biểu cảm, thuyết minh a) Đề bình thường b) Đề mở 2.2. Các dạng đề nghị luận a) Đề bình thường b) Đề mở 2.3. Đề vận dụng tổng hợp các phương thức	1. Kiến thức - Hiểu thế nào là một đề văn, cấu trúc một đề văn; - Nắm được các dạng đề văn cho học sinh giỏi, yêu cầu về nội dung và hình thức có gì khác so với đề văn bình thường. - Hiểu các yêu cầu và cách phân tích một đề văn. 2. Kỹ năng - Biết nhận diện một đề văn - Biết phân tích một đề văn - Có kỹ năng nhận diện và phân tích đề văn	- Cung cấp các dạng đề văn đa dạng và phong phú , chú ý dạng đề mở. - HS đọc tài liệu lí thuyết và các dạng đề văn, suy nghĩ theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn, tự mình rút ra kết luận về đề văn và các dạng đề văn. - Thực hành nhận

biểu đạt 3. Nhận diện và phân tích một đề văn. a) Nhận diện về dạng đề b) Phân tích yêu cầu của đề : trọng tâm vấn đề (ND) và phương thức biểu đạt (phương thức chính và phương thức kết hợp); thao tác nghị luận chính và thao tác kết hợp... 4. Thực hành nhận diện và phân tích đề.	thành thạo 3. Thái độ Có ý thức và tìm hiểu và luyện tập trong việc phân tích đề văn .	diện và phân tích các dạng đề văn, chú ý các dạng đề cho học sinh giỏi.
--	--	--

IV. GIẢI THÍCH VÀ HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN

4.1 Kế hoạch dạy học

Thời lượng dạy học dành cho đối tượng HS chuyên văn là 150 % so với HS học theo Chương trình nâng cao. Thời lượng tăng thêm là 2 tiết/ tuần, mỗi học kì học 35 tiết chuyên đề, tổng cả năm là 70 tiết. Thời lượng mỗi chuyên đề đã được quy định cụ thể. Với thời lượng trên, các chuyên đề này tập trung nhiều cho hai phần Văn học và Làm văn. Chuyên đề tiếng Việt chủ yếu theo hướng vận dụng, thực hành, không nêu thêm lí thuyết. Giáo viên nên sắp xếp chuyên đề có nội dung tương ứng với nội dung của SGK để thuận tiện trong việc dạy học các nội dung chuyên sâu.

Kế hoạch dạy học nên thực hiện linh hoạt, không cứng nhắc, nhằm đạt hiệu quả cao.

4.2 Nội dung dạy học

Nội dung dạy học chuyên sâu môn Ngữ văn cho trường THPT chuyên được xây dựng trên các căn cứ cơ bản sau đây:

- Mục tiêu đào tạo và quy chế của trường chuyên đã ban hành
- Nội dung chương trình và sách giáo khoa Ngữ văn Nâng cao
- Văn bản Hướng dẫn nội dung dạy học các môn chuyên- trường THPT chuyên (năm 2001) của Bộ GD&ĐT
- Đặc trưng của đối tượng học sinh chuyên văn

Ngoài các nội dung đã học theo Chương trình và Sách Ngữ văn Nâng cao, các chuyên đề chuyên sâu ở đây được xác định như là các *chuyên đề nâng cao của Chương trình nâng cao*. Từ yêu cầu Chuẩn kiến thức của chương trình và sách giáo khoa Ngữ văn Nâng cao (đã được Bộ trưởng Bộ GD&ĐT ban hành) xây dựng thêm một số nội dung chuyên sâu nhằm đáp ứng những yêu cầu và đòi hỏi của đối tượng học sinh giỏi với thời lượng 2 tiết/ tuần.

So với văn bản *Hướng dẫn nội dung dạy học các môn chuyên- trường THPT chuyên* (gọi tắt là văn bản 2001) của Bộ GD&ĐT, văn bản này có một số điểm điều chỉnh và kế thừa sau đây:

a) Không phân phối cụ thể chi tiết đến từng tuần học mà chỉ nêu nội dung, yêu cầu cần đạt và thời lượng của các chuyên đề chuyên sâu. Văn bản 2001 chỉ nêu tên các nội dung dạy học, ghép nội dung học hàng ngày với nội dung nâng cao và phân phối theo thời lượng 6 tiết /tuần.

b) GV dạy các lớp chuyên văn thực hiện đúng phân phối chương trình Ngữ văn Nâng cao dành cho học sinh ban KHXH-NV (4 tiết/ tuần), sau đó dành các buổi dạy riêng theo các chuyên đề trong văn bản này cho đủ 2 tiết /tuần.

c) Tiếp thu một số nội dung và định hướng ghi trong mục các *Chuyên đề hội thảo* (trang 73 văn bản 2001) nhưng có điều chỉnh cho phù hợp với Chương trình và SGK Ngữ văn Nâng cao.

d) Trên cơ sở các chuyên đề nêu ở bản hướng dẫn này, các địa phương có thể vận dụng một cách linh hoạt để thực hiện nội dung chuyên sâu (2tiết/tuần) bằng cách: bớt thời lượng một số chuyên đề nêu ở đây, thay vào đó những chuyên đề tự biên soạn hoặc tăng thời lượng cho những bài có nội dung mới và khó để phù hợp với trình độ thực tế HS của trường sở tại.

4.3. Về phương pháp và phương tiện dạy học

Quán triệt tinh thần đổi mới phương pháp dạy học đã ghi trong CT Ngữ văn THPT, khắc phục lối dạy học thầy đọc- trò chép, phát huy tính tích cực chủ động của người học, hình thành và rèn luyện cho HS năng lực đọc- hiểu văn bản văn học. Dạy học theo chuyên đề nâng cao (chuyên sâu) không có gì xa lạ với GV và HS các trường chuyên. Thực ra đây là hình thức phù hợp nhất với đối tượng HS này. Tuy vậy dạy học một chuyên đề như thế nào cho có hiệu quả không phải GV nào cũng thực hiện tốt.

Muốn đề ra được phương pháp thích hợp cần xác định rõ đối tượng, tính chất và các nội dung dạy học chuyên đề. Về lí thuyết, thuận lợi lớn nhất khi dạy các chuyên đề chuyên sâu là đối tượng người học tương đối thuần nhất, cùng loại. Đó là những HS khá giỏi, cùng sở thích, nguyện vọng...) vì thế người dạy dễ vận dụng một loại phương pháp nào đó tương ứng, thích hợp. Khó khăn lớn nhất của hình thức dạy học này là yêu cầu tính tự giác học tập của HS. Về cơ bản, các chuyên đề nhằm hướng dẫn HS đọc và học ở nhà. Nội dung kiến thức và kĩ năng tập trung vào một vấn đề nào đó nâng cao, tương đối hoàn chỉnh, trọn vẹn nên dung lượng bài học khá lớn.

Nhìn chung các phương pháp dạy học chuyên đề về cơ bản thống nhất với các phương pháp dùng trong những giờ học chính khoá. Tuy nhiên vấn đề quan trọng là sử dụng các phương pháp ấy như thế nào. Điểm khác cơ bản là phải căn cứ vào đối tượng người học, đặc điểm và tính chất của các loại chuyên đề mà lựa chọn các phương pháp một

cách phù hợp. Với đối tượng đã xác định, khi dạy các chuyên đề này, GV nên giao cho HS chuẩn bị kĩ ở nhà, sau đó chủ yếu tổ chức cho các em trình bày, thuyết trình các nội dung đã chuẩn bị; sau đó trao đổi, thảo luận, bổ sung, chỉnh lí và HS tự rút ra những kết luận cần thiết. Hai nhóm phương pháp thường được vận dụng ở đây là:

- Các phương pháp hướng dẫn học sinh làm bài tập nghiên cứu .
- Các phương pháp sưu tầm, phân loại, thu thập và tra cứu tư liệu...

Xuất phát từ đặc điểm và tính chất cơ bản của các chuyên đề, chúng tôi xin nêu lên một số gợi ý về phương hướng dạy học các nội dung

chuyên đề nâng cao môn Ngữ văn trong trường THPT chuyên sau đây:

a) Những công việc chuẩn bị

Kết quả của bước chuẩn bị là xác định được một số điểm cần lưu ý về nội dung kiến thức, kĩ năng và phương hướng tổ chức dạy học cho chuyên đề sẽ dạy học. Muốn thế cần tiến hành một số công việc sau:

- GV đọc, nghiên cứu, thu thập tài liệu, biên soạn giáo án và chuẩn bị tư liệu giảng dạy về chuyên đề.
- Hướng dẫn HS chuẩn bị , thu thập tư liệu, nghiên cứu nội dung chuyên đề ở nhà bằng những chỉ dẫn cần thiết.
- Xác định đối tượng học và nội dung dạy học
- Lựa chọn hình thức tổ chức dạy học chủ yếu: tổ chức cho HS trình bày và trao đổi trên lớp; hướng dẫn học sinh làm bài tập nghiên cứu ...

b) Các bước lên lớp một chuyên đề chuyên sâu

Bước 1: Giới thiệu mục đích, ý nghĩa và yêu cầu cần đạt của chuyên đề.

Bước 2: Tổ chức cho HS hoạt động học tập, trao đổi theo phần gợi ý thực hiện đã nêu trong tài liệu học tập của HS.

Do nội dung kiến thức và kĩ năng của 1 chuyên đề thường rất nhiều, nên GV cần chia ra và xác định công việc ở mỗi tiết học cho phù hợp. Phần gợi ý thực hiện trong các chuyên đề thường đã nêu hướng và cách hoạt động, vì thế GV dựa vào đó mà điều hành tiết học. Tinh thần cơ bản của bước 2 là: Nêu vấn đề và yêu cầu HS làm việc trao đổi theo nhóm (trước các vấn đề khó, phức tạp, có nhiều ý kiến khác nhau) hoặc trình bày ngay ý kiến của mình đã suy nghĩ, chuẩn bị ở nhà. Thời lượng dành cho bước 2 là nhiều nhất.

Bước 3: Tổng kết, rút kinh nghiệm sau khi học xong chuyên đề.

Do mỗi chuyên đề có dung lượng kiến thức và kỹ năng khá lớn, lại học thành nhiều tiết vì thế mỗi chuyên đề cần dành một thời gian nhất định để tổng kết và khắc sâu một số kiến thức và kỹ năng cần chú ý nhất. Cuối cùng là cần nêu những lưu ý, rút kinh nghiệm về việc học tập của HS. Khuyến khích HS phát biểu ý kiến đóng góp về cách dạy, cách học, cách kiểm tra đánh giá...

Đối với các trường chuyên do điều kiện thiết bị dạy học và cơ sở vật chất khá đầy đủ, GV cần tổ chức và hướng dẫn HS sử dụng máy tính, ứng dụng công nghệ thông tin vào việc thu thập tư liệu trên mạng Internet, theo dõi các cuộc tranh luận văn học, những vấn đề thời sự văn học... GV cũng cần biết sử dụng máy tính vào việc trình bày bài giảng bằng các phần mềm thông dụng (như Powerpoint), biết khai thác kho tư liệu văn học vô cùng phong phú trên mạng bằng các công cụ tìm kiếm như Google.com hoặc Vinaseek.com ...

4. 4 Về đánh giá kết quả học tập của học sinh

Sau khi học hết một hay vài chuyên đề cần phải có hình thức kiểm tra đánh giá. Nhìn chung hình thức kiểm tra đánh giá kết quả học chuyên đề cũng không có gì khác so với các hình thức của nội dung chính khoá. Tức là cũng có những hình thức kiểm tra như sau :

- Kiểm tra bằng bài viết .
- Kiểm tra miệng .
- Chấm bài tập nghiên cứu và sổ tay ghi chép việc học ở nhà .

Cần suy nghĩ để đổi mới không chỉ nội dung kiểm tra mà cả cách thức kiểm tra đánh giá để có thể hạn chế được tính chủ quan, cảm tính của người đánh giá.

4.5 Danh mục tài liệu tham khảo

Để nâng cao trình độ chuyên sâu, HS chuyên văn không thể chỉ nghe giảng trên lớp mà quan trọng là phải đọc thêm tài liệu, sách , báo... Vấn đề quan trọng là phải biết chọn lọc để đọc, không nên đọc tràn lan. Trong điều kiện hiện nay, nguồn tài liệu và sách tham khảo quá nhiều gây nên tình trạng vừa thừa, vừa thiếu, GV cần hướng dẫn HS đọc thêm một số tài liệu, sách báo cần thiết sau đây:

Dành cho phần văn học dân gian:

- 1) *Tục ngữ ca dao dân ca Việt Nam* - Vũ Ngọc Phan Nxb KHXH. 1978 (in lần thứ năm)
- 2) *Văn học dân gian Việt Nam* – Hoàng Tiến Tựu – Nxb GD. 1998
- 3) *Tuyển tập truyện cổ tích Việt Nam*- Chu Xuân Diên- Lê chí Quế- Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội. 1996
- 4) *Nghiên cứu sử thi Việt Nam* – Phan Đăng Nhật - Nxb KHXH. 2001
- 5) *Sử thi anh hùng Tây Nguyên* – Võ Quang Nhơn- NXB GD. 1997
- 6) *Phân tích tác phẩm văn học dân gian* - Đỗ Bình Trị – Nxb GD. 1995
- 7) *Kể chuyện thành ngữ, tục ngữ* - Hoàng Văn Hành (chủ biên) - Viện Ngôn ngữ học - Nxb KHXH. 1999
- 8) *Tiếng cười dân gian Việt Nam*- Trương Chính- Tạ Phong Châu- NXB KHXH. 1979
- 9) *Thi pháp ca dao* – Nguyễn Xuân Kính – Nxb KHXH. 1991

Dành cho phần văn học trung đại:

- 1) *Văn học Việt Nam (thế kỉ X – nửa đầu thế kỉ XVIII)* - Đinh Gia Khánh- NXB GD. 2000
- 2) *Nguyễn Trãi- Về tác gia và tác phẩm* - Nxb GD. 1999
- 3) *Nguyễn Du - Về tác gia và tác phẩm* - Nxb GD. 2002
- 4) *Từ điển truyện Kiều*- Đào Duy Anh- NXBKHXH. 1974
- 5) *Nguyễn Du- một trái tim lớn, một nghệ sĩ lớn*- Hoài Thanh toàn tập, tập II. 1998.
- 6) *Một phương diện của thiên tài Nguyễn Du- Từ Hải*- trong Bình luận văn chương Hoài Thanh –NXB GD 1998
- 7) *Tìm hiểu phong cách Nguyễn Du trong truyện Kiều*- Phan Ngọc- NXB KHXH. 1985
- 8) *Từ điển điển cố văn học trong nhà trường* - Nguyễn Ngọc San (chủ biên)- Nxb GD. 1998
- 9) *Thi pháp Truyện Kiều* – Trần Đình Sử – Nxb GD. 2002
- 10) *Giảng văn truyện Kiều* - Đặng Thanh Lê- NXBGD. 1998
- 11) *Mấy vấn đề về thi pháp văn học trung đại*. Trần Đình Sử- Nxb GD. 1997
- 12) *Đến với bài thơ hay* – Lê Trí Viễn – Nxb GD. 2000

13) *Phác thảo đặc trưng thi pháp văn học trung đại Việt Nam*- Văn bồi dưỡng HS giỏi THPT- Nguyễn Đăng Mạnh- ĐHQG Hà Nội 2002.

14) *Bình giảng thơ nôm Đường luật* – Lã Nhâm Thìn – NXB GD 2002.

Dành cho phần văn học nước ngoài:

- 1) *Tác gia tác phẩm văn học nước ngoài trong nhà trường*- NXB GD- 1999, 2000
- 2) *Thi pháp thơ Đường* – Nguyễn Khắc Phi- Trần Đình Sử – Nxb Đà Nẵng 1997
- 3) *Thơ văn cổ Trung Hoa- Mảnh đất quen mà lạ* - Nguyễn Khắc Phi – Nxb GD 1998
- 4) *Bashô và thơ Haiku*- Phan Nhật Châu- NXB Văn học. H. 1994
- 5) *Chân dung các nhà văn thế giới* – Lưu Đức Trung (chủ biên) - NXB GD. 2004

Dành cho phần lí luận văn học

- 1) *Lí luận văn học* - Tập một – Phương Lưu, Trần Đình Sử, Lê Ngọc Trà – NXBGD 1986
- 2) *Lao động nhà văn* – A.Xâytlin (Hoài Lam và Hoài Li dịch) – Hai tập – NXB Văn học 1968
- 3) *Từ trong di sản* – NXB Tác phẩm mới, 1981
- 4) *Đời viết văn của tôi* - Nguyễn Công Hoan – NXB Văn học, 1971.
- 5) *Một số kinh nghiệm viết văn của tôi* – Tô Hoài – NXB Văn học, 1960.
- 6) *Hỏi chuyện các nhà văn* - Nguyễn Công Hoan – NXB Tác phẩm mới, 1977

Dành cho tiếng Việt và làm văn

- 1) *Từ điển tiếng Việt 2000* - Viện Ngôn ngữ học
- 2) *Từ điển thuật ngữ văn học*- Lê Bá Hán, Trần Đình Sử, Nguyễn Khắc Phi- nxb GD, 2005
- 3) *Tiếng Việt, văn Việt, người Việt* - Cao Xuân Hạo - Nxb Trẻ. 2001
- 4) *Văn bồi dưỡng Học sinh giỏi THPT*- Nguyễn Đăng Mạnh (chủ biên) – Nxb ĐHQG Hà Nội .2002

LỚP 11

1. Mục đích

- Thống nhất trên phạm vi toàn quốc kế hoạch dạy học và nội dung dạy học môn Ngữ văn cho trường THPT chuyên.
- Thống nhất trên phạm vi toàn quốc nội dung bồi dưỡng học sinh giỏi cấp THPT.

II. Kế hoạch dạy học

Tổng số tiết : 150% của chương trình nâng cao, trong đó 50% dành cho nội dung chuyên sâu

- Tổng thời lượng môn Ngữ văn của Chương trình Nâng cao là 4 tiết x 35 tuần = 140 tiết/ năm
- Tổng thời lượng cho môn Ngữ văn của trường Chuyên là 6 tiết x 35 tuần = 210 tiết /năm
- Tổng số tiết học thêm môn Ngữ văn của trường chuyên văn là : 70 tiết/ năm

Học kỡ I: 35 tiết

Học kỡ II: 35 tiết.

III. Nội dung dạy học

3.1. Cấu trúc nội dung dạy học

Nội dung dạy học môn Ngữ văn lớp 11 dành cho các trường THPT chuyên ngoài nội dung được ghi trong chương trình Nâng cao môn Ngữ văn, còn có thêm nội dung chuyên sâu (70 tiết) được xây dựng dưới dạng các chuyên đề. Số tiết tối đa dành cho một chuyên đề là 8 tiết, tối thiểu là 6 tiết, được phân phối như sau:

Tiếng Việt: 01 chuyên đề, 6 tiết.

Làm văn : 02 chuyên đề, 16 tiết

Lí luận văn học: 02 chuyên đề, 14 tiết.

Văn học Việt Nam: 05 chuyên đề , 34 tiết.

Các chuyên đề tiếng Việt, lí luận văn học, làm văn chủ yếu là chuyên đề nâng cao nhận thức và phương pháp, thực hiện chủ yếu bằng hoạt động thực hành, phục vụ cho yêu cầu nâng cao kĩ năng đọc văn và làm văn. Cụ thể là, chuyên đề *Nghĩa hàm ẩn* có ý nghĩa rất quan trọng đối với việc đọc-hiểu văn học, bởi vì văn học, về cơ bản là vận dụng ý nghĩa hàm ẩn của ngôn từ. Chuyên đề *Đọc hiểu văn bản văn học* và chuyên đề *Đọc thơ, truyện ngắn, tiểu thuyết, kịch*, không phải lặp lại giản đơn các bài tương ứng trong SGK Ngữ văn 10 và Ngữ văn 11 nâng cao, mà có sự mở rộng, đào sâu về nội dung và chi tiết, có ý nghĩa thiết thực trong việc giúp nâng cao năng lực đọc-hiểu sáng tạo của học sinh. Các chuyên đề làm văn đề cập tới vấn đề then chốt nhất của văn nghị luận.

Các chuyên đề văn học Việt Nam giúp học sinh đi sâu vào một số phương diện cơ bản của văn học Việt Nam giai đoạn đầu thế kỉ XX đến 1945. Trong các nội dung ấy có một chuyên đề khắc sâu nội dung công cuộc hiện đại hoá văn học, nội dung tính hiện đại của văn học, hiện đại hoá văn học là đổi mới quan niệm văn học, bao gồm tính thẩm mĩ, tính cá thể, tính độc lập tự chủ, tính dân chủ...; một chuyên đề phân tích nội dung yêu nước phong phú của thời kì văn học này, trong đó nội dung yêu nước cách mạng có vị trí chủ đạo; một chuyên đề hệ thống hoá và nâng cao về thành tựu thơ Mới, một chuyên đề đi sâu vào hướng tìm tòi thơ tượng trưng, siêu thực; một chuyên đề nâng cao về các thành tựu tiểu thuyết.

Danh mục các chuyên đề chuyên sâu dành cho môn Ngữ văn lớp 11 nâng cao

TT	Tên chuyên đề	Tính chất	Số tiết	Ghi chú
1	Độc hiểu văn bản văn học	Lí luận văn học	6	
2	Văn nghị luận	Làm văn	8	
3	Luận điểm và lập luận trong bài nghị luận	Làm văn	8	
4	Quá trình hiện đại hoá văn học Việt Nam từ đầu thế kỉ XX đến năm 1945	Văn học Việt Nam	7	
5	Các khuynh hướng yêu nước trong văn học Việt Nam từ cuối thế kỉ XIX đến năm 1945	Văn học Việt Nam	6	
6	Các nhà thơ mới Việt Nam 1932 – 1945	Văn học Việt Nam	8	
7	Tiểu thuyết Việt Nam từ đầu thế kỉ XX đến 1945	Văn học Việt Nam	7	
8		Văn học Việt Nam	6	
9	Các khuynh hướng thơ tượng trưng, siêu thực trong thơ mới Việt Nam	Tiếng Việt	6	
10	Nghĩa hàm ẩn	Lí luận văn học	8	
	Thơ, truyện ngắn, tiểu thuyết, kịch			
Cộng			70 tiết	

3.2. Nội dung chuyên sâu

Chuyên đề 1 : Đọc hiểu văn bản văn học

Số tiết: 06

Nội dung	Mức độ cần đạt	Ghi chú
1. Đặc điểm chung của văn bản văn học - Có mở - kết; có kết cấu, có chủ đề. - Có lời phát ngôn (kể, trữ tình, lời thoại) và đối tượng được nói tới. - Có chủ thể lời nói (người kể chuyện, nhân vật trữ tình, người đối đáp). - Lời văn có phương thức biểu cảm và giá trị thẩm mỹ, có phong cách cá nhân, có tính liên văn bản. - Văn bản văn học được chọn lọc, tổ chức cố định. Thay đổi văn bản là thay đổi ý nghĩa. 2. Đặc điểm về ý nghĩa của văn bản - Nội dung thông báo và ý nghĩa. - ý nghĩa văn bản thiếu xác định, do người đọc đoán ra. - Tính đa nghĩa của văn bản văn học. 3. Đọc hiểu văn bản văn học	1. Kiến thức - Học sinh hiểu: ý nghĩa của văn bản không được cung cấp sẵn trong văn bản. Phần nhiều ý nghĩa văn bản mà người đọc biết là do người đọc trước để lại, không nhất thiết khi nào cũng hoàn toàn đúng. Từ đó mà phát huy vai trò chủ động, sáng tạo của người đọc trong việc tìm ra những ý chưa biết. 2. Kỹ năng - Biết vận dụng các phương pháp, biện pháp phát hiện ý nghĩa. Không a dua theo cách hiểu có sẵn. - Có phương pháp đọc, không phải đọc mò mẫm, đọc hù hoạ.	1. Tận dụng các văn bản trong SGK. 2. Cho HS trao đổi, đối thoại về các cách hiểu khác nhau đối với các văn bản đã học. 3 HS tập viết văn bản của mình về văn bản của nhà văn và văn bản của người khác. 4. Từ văn bản của HS, GV phát hiện vấn đề , cho HS thảo luận, nâng cao

a. Nguyên tắc chung - Đọc hiểu là biến văn bản của tác giả thành văn bản của người đọc. - Người đọc phát hiện ý nghĩa của văn bản. b. Phương pháp đọc hiểu - Hiểu từ ngữ, biểu tượng, câu, đoạn, sự liên kết, cấu trúc của văn bản. Trật tự, quan hệ là ý nghĩa. - Văn cảnh và ngữ cảnh xã hội, văn hóa, lịch sử. - Tính năng động sáng tạo của người đọc. - Có thể sử dụng các biện pháp như so sánh, tỉnh lược, thay thế, giả định... để phát hiện ý nghĩa của văn bản.	3. Thái độ - Khiêm tốn, cẩn trọng khi phát hiện ý nghĩa của văn bản, biết tôn trọng người đi trước. - Có thái độ đối thoại với các cách hiểu có trước. - Thể hiện cá tính của mình trong khi đọc văn bản văn học.	kỹ năng đọc. 5. Chú ý đọc các văn bản khác nhau: thơ, truyện ngắn, kịch theo đặc trưng thể loại.
---	--	--

Chuyên đề 2: Văn nghị luận

Số tiết: 08

Nội dung	Mức độ cần đạt	Ghi chú
1. Thế nào là văn nghị luận ? - Mục đích của bài văn nghị luận - Nội dung bài văn nghị luận - Cách thức trình bày bài văn nghị luận - Phân loại văn nghị luận: Nghị luận xã hội và nghị luận văn học - Văn nghị luận và các kiểu văn bản khác 2. Vai trò và ý nghĩa của văn nghị luận - Vai trò và ý nghĩa của văn nghị luận đối với đời sống tinh thần (lịch sử) của dân tộc. - Vai trò và ý nghĩa của văn nghị luận đối với việc hình thành tư duy của con người. - Vai trò và ý nghĩa của văn nghị luận đối với việc giáo dục tư tưởng, nhân cách,... 3. Luyện tập, thực hành - Nhận diện và phân tích đặc điểm văn nghị luận qua một đoạn văn, một bài văn. - Luyện tập: thuyết minh, giới thiệu bài văn nghị luận xã hội và nghị luận văn học hay	1. Kiến thức: - Hiểu thế nào là một bài văn nghị luận, các yếu tố tạo nên bài văn nghị luận: + Mục đích + Nội dung + Cách thức + Phân loại - Phân biệt văn nghị luận với các kiểu văn bản khác như tự sự, miêu tả, biểu cảm, thuyết minh...và mối quan hệ của chúng với văn nghị luận. - Hiểu vai trò và ý nghĩa của VNL: + Đối với lịch sử dân tộc + Đối với rèn luyện tư duy + Đối với giáo dục tư tưởng, nhân cách 2. Kỹ năng: - Nhận biết được đoạn văn, bài văn nghị luận và lí giải được bằng các đặc điểm của thể văn này. - Biết cách thuyết minh, giới thiệu một bài văn nghị luận 3. Thái độ:	- Cung cấp mẫu về đoạn văn, bài văn nghị luận hay. - HS đọc tài liệu lí thuyết và những mẫu bài văn nghị luận hay, suy nghĩ theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn, tự mình rút ra kết luận thế nào là bài văn nghị luận.

	- Biết trân trọng những áng văn nghị luận hay	
--	---	--

Chuyên đề 3 : Luận điểm và lập luận trong bài nghị luận

Số tiết: 08

Nội dung	Mức độ cần đạt	Ghi chú
1. Thế nào là luận điểm và lập luận trong bài văn nghị luận ? Vai trò và tác dụng của luận điểm, lập luận. - Luận điểm và lập luận - Vai trò và tác dụng 2. Yêu cầu của luận điểm và lập luận - Yêu cầu của luận điểm - Yêu cầu của lập luận - Các lỗi về luận điểm và lập luận 3. Nhận diện và phân tích luận điểm, lập luận - Nhận diện phân tích, đánh giá luận điểm - Nhận diện phân tích, đánh giá lập luận - Nhận diện và phân tích lỗi về luận điểm và lập luận- nêu hướng khắc phục. 4. Luyện tập hình thành luận điểm (tạo	1. Kiến thức: - Hiểu thế nào là luận điểm và lập luận của một bài văn nghị luận . - Nắm được vai trò và tác dụng của luận điểm và lập luận trong bài nghị luận. - Hiểu yêu cầu của luận điểm và lập luận - Nắm được các lỗi thông thường về luận điểm, lập luận 2. Kỹ năng: - Biết nhận diện một luận điểm, lập luận - Biết nhận ra các lỗi về luận điểm và lập luận - Có kĩ năng hình thành và đề xuất luận điểm - Có kĩ năng lập luận chặt chẽ, có sức	- Cung cấp các đoạn , bài văn nghị luận có các luận điểm mới mẻ, độc đáo và cách lập luận chặt chẽ, sắc sảo, giàu sức thuyết phục. - HS đọc tài liệu lí thuyết về luận điểm và lập luận, suy nghĩ theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn, tự mình rút ra kết luận về luận điểm và lập luận trong bài nghị luận. - Thực hành nhận diện và phân tích về luận điểm, lập luận theo yêu cầu của chuyên đề.

luận điểm) 5. <i>Luyện tập về lập luận</i>	thuyết phục 3. <i>Thái độ:</i> - Có ý thức tìm hiểu về luận điểm và lập luận trong nói và viết bài văn nghị luận	
---	--	--

Chuyên đề 4: Quá trình hiện đại hoá văn học Việt Nam từ đầu thế kỉ XX đến 1945
Số tiết: 07

Nội dung	Mức độ cần đạt	Ghi chú
1. <i>Khái niệm hiện đại hóa</i> - Hiện đại hoá về mặt kinh tế, xã hội, chính trị - Hiện đại hoá như là phát triển các phẩm chất của tính hiện đại. 2. <i>Quá trình hiện đại hoá</i> - Bối cảnh hiện đại hoá về các mặt kinh tế, xã hội, chính trị trên thế giới và trong nước Việt Nam: đô thị hoá, kinh tế hàng hoá, thị dân, chủ nghĩa cá nhân, ý thức dân tộc mới, trường học hiện đại, chữ quốc ngữ, máy in, nhà xuất bản, báo chí... - Quá trình phát triển các phẩm chất của	1. <i>Kiến thức:</i> - HS phân biệt được khái niệm hiện đại hoá và tính hiện đại. Hiện đại hóa là khái niệm xã hội học, kinh tế học, có thể lượng hoá bằng các chỉ tiêu kinh tế, công nghiệp, thu nhập, phần trăm đô thị hoá... Tính hiện đại là khái niệm có nội dung triết học và mỹ học. - Nắm được toàn diện khái niệm quá trình hiện đại hoá các mặt, trong đó đặc biệt có tính hiện đại của văn học, nghệ thuật (âm nhạc, hội hoạ, điêu khắc, kịch nói...). GV giúp học sinh hiểu nội hàm của tính hiện	1. Giáo viên phân tích rõ tiêu chí văn học hiện đại (tính hiện đại). 2. Chọn và phân tích các ví dụ tiêu biểu. 3. Vẽ sơ đồ cuộc vận động văn học với các cột mốc quan trọng.

tính hiện đại trong triết học, mỹ học, văn học: giả từ quan niệm văn học trung đại, phát triển ý thức cá nhân, tinh thần tự do sáng tạo, ý thức lí tính, ý thức về dân chủ, văn minh, sự giao lưu thế giới, văn học tự chủ, coi trọng giá trị thẩm mỹ. 3. Sản phẩm của hiện đại hoá văn học: hệ thống đề tài, chủ đề văn học mới, hệ thống thể loại văn học mới, ngôn ngữ văn học mới, ý thức phong cách mới.	đại trong văn học, phân tích, đối chiếu với văn học trung đại, các phẩm chất của tính hiện đại thể hiện trong các sáng tác văn học tiêu biểu. Đây là phần trọng tâm. 2. <i>Kĩ năng:</i> - Biết chỉ ra các biểu hiện của tính hiện đại trong các văn bản văn học đã học, so với văn học trung đại. - Biết phác hoạ quá trình hiện đại hoá văn học 3. <i>Thái độ:</i> Biết đánh giá và trân trọng sự tiến bộ của văn học trong tiến trình lịch sử.	
---	---	--

Chuyên đề 5: Các khuynh hướng yêu nước trong văn học từ cuối thế kỉ XIX đến đầu thế kỉ XX
Số tiết: 06

Nội dung	Mức độ cần đạt	Ghi chú
1. Yêu nước – một chủ đề cơ bản của văn học Việt Nam. Bối cảnh lịch sử và nội dung tinh thần yêu nước (<i>Chiếu dời đô, Hịch tướng sĩ, Bình Ngô đại cáo, Tựa Trích diễm thi tập</i>,...) 2. Bối cảnh mới và sự đa dạng của chủ đề yêu nước trong văn học từ cuối thế kỉ XIX đến đầu thế kỉ XX. - Yêu nước trong khuôn khổ tư tưởng trung quân suy tàn: <i>Hoàng Lê nhất thống chí, Chiếu cầu hiền, Chạy giặc, Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc</i>, Thơ văn Nguyễn Khuyến, Tú Xương, Tản Đà, Đặng Huy Trứ,... - Yêu nước với ảnh hưởng tư tưởng văn hoá dân chủ, khai sáng, phát triển dân trí phương Tây: Nguyễn Trường Tộ, Phan Châu Trinh. - Yêu nước theo hướng tự cường, phục	1. Kiến thức: - HS hệ thống hoá tinh thần yêu nước trong văn học Việt Nam từ cổ xưa cho đến thời cận đại.. - Phân tích sự đa dạng của các khuynh hướng tư tưởng yêu nước trong văn học Việt Nam cuối thế kỉ XIX đầu thế kỉ XX, tránh quan niệm hẹp hòi trong việc đánh giá và lí giải tư tưởng yêu nước của văn học. Cần phân biệt tư tưởng yêu nước có tính chiến đấu mạnh mẽ với tinh thần yêu nước kín đáo. - Thành quả của các tư tưởng yêu nước ấy không chỉ thể hiện ở cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc, thống nhất Tổ Quốc, mà còn thể hiện ở các thành tựu văn hoá, văn học	1. Khai thác triệt để các văn bản trong SGK. 2. Sử dụng thêm một số tài liệu về các nhà canh tân đầu thế kỉ. 3. Kết hợp với tri thức lịch sử Việt Nam cận đại.

quốc: Phan Bội Châu. - Yêu nước với tinh thần bảo tồn, phát triển văn hoá, tiếng nói dân tộc, sáng tạo các giá trị mới : Từ Nguyễn An Ninh, Phạm Quỳnh đến các nhà thơ mới, Hoài Thanh, Thạch Lam,... - Yêu nước với tinh thần phê phán các tệ nạn, tội ác xã hội: Ngô Tất Tố, Vũ Trọng Phụng. - Yêu nước kết hợp với tư tưởng cách mạng vô sản: Hồ Chí Minh, Tố Hữu	mà hôm nay chúng ta được hưởng và cần phải tiếp tục phát huy. 2. <i>Kĩ năng:</i> Biết phân tích và phân biệt các khuynh hướng yêu nước trong văn học 3. <i>Thái độ:</i> Biết trân trọng các khuynh hướng yêu nước khác nhau	
--	--	--

Chuyên đề 6: Các tác giả tiêu biểu trong phong trào Thơ mới
Số tiết: 08

Nội dung	Mức độ cần đạt	Ghi chú
1. Tìm hiểu đóng góp của các nhà thơ lớn trong phong trào Thơ mới về các phương diện: phong cách cá nhân, vai trò đối với công cuộc hiện đại hoá văn học dân tộc, thành công và giới hạn của mỗi người. 2. Các tác giả tiêu biểu: Xuân Diệu, Huy Cận, Thế Lữ, Hàn Mặc Tử, Chế Lan Viên, Nguyễn Bính, Anh Thơ. 3. Thực hành phân tích tác phẩm (Chọn phân tích một số bài thơ hay ngoài những bài đã có trong chương trình trước đây, thí dụ: <i>Chân quê</i>, <i>Mưa xuân</i> của Nguyễn Bính, <i>Thu rừng</i>, <i>Đi giữa đường thơm</i> của Huy Cận, <i>Huyền diệu</i>, <i>Buồn trắng</i> của Xuân Diệu).	1. Kiến thức: - Nắm được phong cách nghệ thuật của các nhà thơ lớn trong phong trào Thơ mới. - Hiểu được cống hiến của mỗi tác giả cho công cuộc hiện đại hoá thơ Việt Nam từ các phương diện: quan niệm thi ca, tư tưởng về đời sống và con người, đặc sắc trong nghệ thuật thơ. - Hiểu được quy luật kế thừa và cách tân, quy luật sáng tạo và tiếp nhận qua mỗi trường hợp cụ thể. 2. Kỹ năng: - Rèn luyện kỹ năng cảm thụ, tưởng tượng, liên tưởng khi đọc thơ trữ tình. - Vận dụng các thao tác so sánh, phân tích, khái quát các thi phẩm và biết rút ra các vấn đề lý luận và văn học. 3. Thái độ: Trân trọng những đóng góp của các nhà thơ Mới.	Cung cấp cho học sinh tư liệu về tác phẩm, tác giả. Có thể kết hợp giới thiệu thêm một vài lý thuyết về thơ đương đại để tổ chức thảo luận và làm bài phân tích tác phẩm.

Chuyên đề 7: Tiểu thuyết Việt Nam từ đầu thế kỷ XX đến 1945

Số tiết: 07

Nội dung	Mức độ cần đạt	Ghi chú
1. Tìm hiểu sự vận động của thể loại tiểu thuyết Việt Nam nửa đầu thế kỷ XX về các phương diện cơ bản: quan niệm về thể loại, những khuynh hướng chính, thành tựu của mỗi khuynh hướng, tác giả và tác phẩm tiêu biểu. 2. Các tác giả tiêu biểu: Hồ Biểu Chánh, Hoàng Ngọc Phách, Vũ Trọng Phụng, Ngô Tất Tố, Nguyên Hồng, Nam Cao, Tô Hoài, Nhất Linh, Khái Hưng. 3. Thực hành phân tích tác phẩm (Chọn phân tích một số chương trong <i>Giông tố</i>, <i>Sống mòn</i>, <i>Bướm trắng</i>, <i>Thừa tự</i>...)	1. Kiến thức: - Nắm được quá trình hình thành và phát triển của tiểu thuyết hiện đại ở nước ta giai đoạn nửa đầu thế kỷ XX: quy luật hiện đại hoá trong tiểu thuyết, sự đa dạng của các khuynh hướng tiểu thuyết, sự chuyển hoá, giao thoa giữa các phương pháp sáng tác. - Nắm được 2 mô hình tiểu thuyết cơ bản: tiểu thuyết lãng mạn và tiểu thuyết hiện thực. - Nắm được những tác giả, tác phẩm tiêu biểu: Nam Cao, Vũ Trọng Phụng, Ngô Tất Tố, Nguyên Hồng, Nhất Linh, Khái Hưng, Tô Hoài. 2. Kỹ năng: - Rèn luyện kỹ năng cảm thụ, phân tích tác phẩm theo thể loại. - Củng cố kỹ năng khái quát các vấn đề lý luận và văn học sử. 3. Thái độ: Trân trọng những đóng góp của các tác giả đối với thể loại tiểu thuyết.	Có thể giới thiệu một số lý thuyết mới về tiểu thuyết, tổ chức cho học sinh đọc tác phẩm và tiến hành thảo luận. Có thể kết hợp với những giờ thời sự văn học, bằng kinh nghiệm đọc tiểu thuyết hôm nay mà nhìn lại tiểu thuyết giai đoạn trước.

Chuyên đề 8: Các khuynh hướng thơ tượng trưng, siêu thực trong phong trào Thơ mới
Số tiết: 06

Nội dung	Mức độ cần đạt	Ghi chú
1. Tìm hiểu bước đầu về các khuynh hướng thơ tượng trưng, siêu thực trong phong trào Thơ mới: quan niệm thi ca, quy luật phát sinh (ảnh hưởng từ thơ ca phương Tây, khát vọng kiếm tìm những hình thức mới cho nhu cầu diễn đạt cái tôi cá nhân), những thể nghiệm đáng chú ý của Bích Khê, Hàn Mặc Tử, Chế Lan Viên, Đoàn Phú Tứ và các nhà thơ nhóm Xuân Thu Nhã	<i>1. Kiến thức:</i> - Nắm được những nét chính trong quan niệm thi ca của các nhà thơ theo khuynh hướng tượng trưng siêu thực. - Nắm được những đặc điểm quan trọng nhất về nội dung và nghệ thuật của một thi phẩm mang dấu ấn tượng trưng, siêu thực. - Lý giải được nguồn gốc sự hình thành các xu hướng này trong thơ Việt Nam giai đoạn 1930 – 1945 (Ảnh hưởng từ thơ ca phương Tây, từ thơ Đường kết hợp với ý hướng cách tân, làm mới Thơ mới đang có nguy cơ mòn cũ quy phạm hoá). - Hiểu thêm quy luật cách tân và tiếp nhận trong nghệ thuật. <i>2. Kỹ năng:</i> - Rèn kỹ năng cảm thụ, phân tích thơ qua việc chỉ ra được	Giáo viên cung cấp cho học sinh tài liệu về lý luận, một số thi phẩm (nên mở rộng liên hệ với nhóm Dạ Đài và <i>Bản tuyên ngôn tượng trưng</i> năm 1946), nêu câu hỏi hướng dẫn học sinh đọc tài liệu trước, sau đó thảo luận.

Tập. 2. Thực hành phân tích tác phẩm (Chọn 1, 2 bài để thực hành, thí dụ: <i>Màu thời gian</i> của Đoàn Phú Tứ, <i>Buồn xưa</i> của Nguyễn Xuân Sang).	những điểm độc đáo trong cách sáng tạo hình ảnh, ngôn từ, nhịp điệu. - Biết so sánh, khái quát để thấy chỗ khác nhau cơ bản giữa bài thơ Mới theo khuynh hướng tượng trưng, siêu thực với bài thơ Mới theo khuynh hướng lãng mạn giai đoạn đầu. 3. Thái độ: - Xem khuynh hướng này như thể hiện của nỗ lực cách tân thơ, phản ánh quy luật vận động của thơ Việt Nam hiện đại. - Khắc phục một số định kiến hẹp hòi về thơ theo khuynh hướng lãng mạn giai đoạn đầu.	
--	---	--

Chuyên đề 9: Nghĩa hàm ẩn
Số tiết: 06

Nội dung	Mức độ cần đạt	Ghi chú
1. Thế nào là nghĩa hàm ẩn? - Phân biệt nghĩa tường minh và nghĩa hàm ẩn - Vai trò của nghĩa hàm ẩn trong hoạt động giao tiếp 2. Các loại nghĩa hàm ẩn - Tiền giả định của từ và tiền giả định của câu - Hàm ý của câu nói 3. Những nhân tố tham gia vào việc hình thành nghĩa hàm ẩn - Tri thức bách khoa - Tình huống giao tiếp hiện thực 4. Vận dụng tri thức về nghĩa hàm ẩn vào việc phân tích giảng văn - Xác định nghĩa hàm ẩn của từ - Xác định nghĩa hàm ẩn của câu - Vận dụng nghĩa hàm ẩn vào việc	1. Kiến thức + Hiểu được sự khác nhau giữa nghĩa tường minh và nghĩa hàm ẩn + Hiểu được vai trò cực kì quan trọng của nghĩa hàm ẩn trong hoạt động giao tiếp + Hiểu được các loại nghĩa hàm ẩn khác nhau: - Tiền giả định của từ - Tiền giả định của câu - Hàm ý của câu nói (gắn với tình huống giao tiếp cụ thể) + Hiểu được những nhân tố tham gia vào việc hình thành nghĩa hàm ẩn + Hiểu được việc sử dụng nghĩa hàm ẩn như là một chiến lược giao tiếp 2. Kỹ năng + Biết các thao tác xác định nghĩa tường minh và nghĩa hàm ẩn + Biết thao tác xác định tiền giả định của từ và tiền giả định của câu	+ Cung cấp những ví dụ về nghĩa hàm ẩn, thể hiện qua: - Tiền giả định của từ - Tiền giả định của câu - Hàm ý của câu nói, gắn với tình huống giao tiếp cụ thể + Học sinh được hướng dẫn tìm hiểu thế nào là nghĩa hàm ẩn, sau đó thực hành xác định nghĩa hàm ẩn của từ, của câu. + Vận dụng tri thức về nghĩa hàm ẩn để phân tích giảng văn, thấy được cái hay, cái tế nhị của việc sử dụng nghĩa hàm ẩn trong giao tiếp và trong sáng tác

phân tích hội thoại, phân tích mạch lạc của văn bản	+ Biết thao tác xác định hàm ý của câu nói, dựa trên các phương châm giao tiếp + Biết vận dụng tri thức về nghĩa hàm ẩn để phân tích các vận động hội thoại và mạch lạc (liên kết về nội dung) của văn bản <i>3. Thái độ</i> + Có ý thức tìm hiểu nghĩa hàm ẩn và vận dụng nghĩa hàm ẩn như một chiến lược giao tiếp + Biết trân trọng và đánh giá đúng những lời nói tế nhị + Biết giữ lịch sự trong giao tiếp	văn học.
--	---	-----------------

Chuyên đề 10: Đọc thơ, truyện ngắn, tiểu thuyết, kịch
Số tiết: 08

Nội dung	Mức độ cần đạt	Ghi chú
1. Thơ a) Các hình thức thơ truyền thống. Các thể thơ mượn từ Trung Quốc: Thơ cổ phong. Thơ luật. Các thể thơ cổ của dân tộc: lục bát, song thất lục bát, hát nói. Sự biến hoá, phá cách trong thơ cổ. b) Đặc điểm và hình thức thơ - Câu thơ. Cách biểu đạt nhảy vọt, không liên tục trong thơ. Hình ảnh thơ. - Nhân vật trữ tình và nhà thơ. - Tứ thơ và các hình thức của nó. - đặc điểm của thơ hiện đại. Thơ tự do. - Thơ văn xuôi. c) Đọc thơ 2. Truyện ngắn và tiểu thuyết a) Đặc điểm chung: Nhân vật, sự kiện, cốt truyện, người kể chuyện. Ngôn ngữ kể và ngôn ngữ nhân vật. - Người kể chuyện, tác giả, tác giả hàm ẩn.	1. Kiến thức - Nắm được các đặc điểm cơ bản của các thể loại được học, đặc biệt là những điểm tinh tế, có ý nghĩa để đọc hiểu tác phẩm theo thể loại. - Sử dụng đúng các thuật ngữ. 2. Kỹ năng - Nhận biết đặc điểm thể loại trên các văn bản đã học trong chương trình. - Biết đọc hiểu ý nghĩa các văn bản theo thể loại. 3. Thái độ	1. Phát huy hiểu biết và kinh nghiệm dạy văn của giáo viên, đặc biệt những bài tâm đắc và khó. 2 Phát huy kinh nghiệm và tính sáng tạo của học sinh, đặc biệt phát huy cá tính của học sinh.

- Điểm nhìn trần thuật và giọng điệu, - Các loại điểm nhìn: điểm nhìn toàn tri, điểm nhìn hạn chế, điểm nhìn bên ngoài. - Sự vận dụng biến hoá của các điểm nhìn trần thuật. b) Đặc điểm khác: Dung lượng, kết cấu. Các phương thức kết cấu của tiểu thuyết. Các phương thức kết cấu của truyện ngắn. c) Đọc truyện ngắn và tiểu thuyết. 3. Kịch a) Đặc điểm của kịch - Kịch là nghệ thuật tổng hợp. - Văn bản kịch với các thành phần của kịch bản. - Cốt truyện kịch và nhân vật kịch. - Đặc điểm của lời thoại trong kịch. b) Đọc kịch.	Có ý thức đọc - hiểu các văn bản theo thể loại.	
--	--	--

IV. Giải thích và hướng dẫn thực hiện

4.1. Kế hoạch dạy học

Mỗi học kì học 35 tiết chuyên đề, thời lượng mỗi chuyên đề đã được quy định cụ thể. Giáo viên nên sắp xếp chuyên đề có nội dung tương ứng với nội dung của SGK. Ví dụ chuyên đề về thơ, đọc thơ, thơ tượng trưng nên học song song với phần học thơ trong SGK. Ngoài 4 tiết/tuần của ngữ văn nâng cao bố trí thêm 2 tiết/tuần theo kế hoạch dạy học của trường THPT chuyên.

Kế hoạch dạy học nên thực hiện linh hoạt, không cứng nhắc, nhằm đạt hiệu quả cao.

4.2. Nội dung dạy học

Nội dung dạy học chuyên sâu dựa vào các căn cứ:

- Mục tiêu đào tạo và quy chế trường chuyên.
- Nội dung chương trình và SGK nâng cao.
- Văn bản hướng dẫn nội dung dạy học trường chuyên ban hành năm 2001.
- Đặc điểm của HS chuyên văn.

4.3. Về phương pháp và phương tiện dạy học

Quán triệt tinh thần đổi mới phương pháp dạy học đã ghi trong chương trình Ngữ văn THPT:

- Khắc phục lối dạy nhồi nhét, thầy đọc trò ghi, sau đó học thuộc lòng, trả bài.
- Phát huy cách dạy phát huy tính tích cực chủ động, sáng tạo của HS trong quá trình học tập: Khuyến khích HS nêu cách hiểu của mình một cách chủ động, không sợ sai; khuyến khích tinh thần đối thoại giữa HS với nhau, giữa HS với SGK, Sách tham khảo, HS với GV, tạo không khí học tập cởi mở, dân chủ, từ đó phát huy cá tính của mỗi HS.
- Đổi mới cách dạy theo hướng đọc hiểu, không bằng lòng với việc phân tích đa xó, mà bám sát văn bản, khai thác các phương thức biểu đạt của văn bản, vận dụng ngữ cảnh và tính sáng tạo của HS để tìm ra ý mới.
- Kết hợp nhuần nhuyễn đọc văn và viết văn, học cách diễn đạt chính xác, có lập luận vững chắc, có mức độ, có văn.
- Chú trọng nêu các vấn đề cho HS suy nghĩ, thảo luận.
- Hướng dẫn các đề tài nghiên cứu nhỏ, tận dụng các bài tập nâng cao (bài tập nghiên cứu) trong SGK nâng cao, đồng thời bổ sung thêm các bài tập khác. Vận dụng tốt sách Bài tập ngữ văn nâng cao.
- Đọc sách tham khảo có chọn lọc, không đọc tràn lan, dành thì giờ để tự nghiên cứu.

- Hướng dẫn sưu tầm tư liệu, cắt dán tư liệu trên báo chí, trao đổi tư liệu, hợp tác trong học tập. Phân biệt tư liệu văn học sử (năm sinh, mất, các sự kiện của nhà văn, thời điểm sáng tác, hoàn cảnh sáng tác... với tư liệu lí luận (chú trọng vận dụng tri thức đọc hiểu trong SGK nâng cao), hướng dẫn tra từ điển văn học, từ điển danh nhân, từ điển thuật ngữ văn học, từ điển tiếng Việt.

- Hướng dẫn HS ghi nhật kí đọc văn, viết các ý kiến nhỏ nhằm trình bày ý riêng hoặc tranh luận, viết bài cho *Văn học và tuổi trẻ* để cùng thảo luận.

- Khuyến khích đọc báo chuyên ngành có chọn lọc.

Các bước chuẩn bị dạy học chuyên đề.

Chuẩn bị

- Giáo viên nghiên cứu nội dung chuyên đề, nắm vững các định hướng.
- Xác định đối tượng và nội dung dạy học.
- Tìm tài liệu tham khảo thích hợp.
- Xác định cách thức tổ chức cho HS thuyết trình, trao đổi trên lớp.

Các bước dạy học

- Giới thiệu nội dung, mục đích yêu cầu.
- Tổ chức các hoạt động cho HS
- Tổng kết chuyên đề, rút kinh nghiệm.
- Đánh giá, khuyến khích HS học giỏi.

4. 4 Về đánh giá kết quả học tập của học sinh

Sau khi học hết một hay vài chuyên đề cần phải có hình thức kiểm tra đánh giá. Nhìn chung hình thức kiểm tra đánh giá kết quả học chuyên đề cũng không có gì khác so với các hình thức của nội dung chính khoá. Tức là cũng có những hình thức kiểm tra như sau :

- Kiểm tra bằng bài viết .
- Kiểm tra miệng .
- Chấm bài tập nghiên cứu và sổ tay ghi chép việc học ở nhà .

Cần suy nghĩ để đổi mới không chỉ nội dung kiểm tra mà cả cách thức kiểm tra đánh giá để có thể hạn chế được tính chủ quan, cảm tính của người đánh giá.

4.5. Danh mục tài liệu tham khảo tối thiểu.

Về ý nghĩa hàm ẩn

- 1) Cao Xuân Hạo: *Nghĩa hiển ngôn và nghĩa hàm ẩn*, trong sách: *Tiếng Việt, Mấy vấn đề ngữ âm, ngữ pháp, ngữ nghĩa*, Nxb. Giáo dục, 1999.
- 2) SGK *Tiếng Việt*, quyển do GS Cao Xuân Hạo biên soạn, Nxb GD,
- 3) Đỗ Hữu Châu: *Ý nghĩa hàm ẩn và ý nghĩa tường minh* (chương 4, *Đại cương ngôn ngữ học* tập 2, *Ngữ dụng học*), Tuyển tập Đỗ Hữu Châu, tập hai, Nxb. Giáo dục, 2005.
- 4) Trần Đình sử. *Tính mơ hồ, đa nghĩa của văn học*, trong sách: *Lí luận và phê bình văn học*, Nxb. Giáo dục, 2003.

Về làm văn nghị luận

- 1) Phan Kế Bính (1970)- *Việt Hán Văn khảo*, Mặc Lâm xuất bản. Sài Gòn.
- 2) Bộ GD&ĐT (2006)- *Chương trình GD phổ thông môn Ngữ văn*. NXB GD.
- 3) Phạm Văn Đồng (1973)- *Dạy văn là một quá trình rèn luyện toàn diện*, NCGD, số 28, 11/1973.
- 4) Lê Bá Hán, Trần Đình Sử, Nguyễn Khắc Phi (2004) – *Từ điển thuật ngữ văn học*- NXB GD. HN (tái bản , chỉnh lí).
- 5) Nguyễn Hiến Lê (1962)- *Hương sắc trong vườn văn* – 2 quyển. NXB Nguyễn Hiến Lê, Sài Gòn.
- 6) Nguyễn Đăng Mạnh, chủ biên (2000)- *Văn: Bồi dưỡng học sinh năng khiếu THCS*. NXB ĐHQG HN.
- 7) Nguyễn Đăng Mạnh, chủ biên (2002)- *Văn: Bồi dưỡng học sinh giỏi THPT* NXB ĐHQG HN.
- 8) Nhiều tác giả (2003) - *Văn nghị luận đầu thế kỉ XX*- NXB Văn học
- 9) Nhiều tác giả (2003)- *Một góc nhìn của tri thức*, 3 tập, NXB Trẻ.
- 10) Nhiều tác giả (từ 1999...)- *Về tác gia và tác phẩm* (Bộ sách nhiều tập)- NXB GD. HN.
- 11) Trần Đình Sử (2003)- *Đổi mới dạy học Làm văn ở THPT*. Tạp chí *Văn học và tuổi trẻ*.
- 12) Đỗ Ngọc Thống (1997)- *Làm văn từ lý thuyết đến thực hành*. NXB GD.
- 13) Đỗ Ngọc Thống (2004): *Đề văn nghị luận* -Tạp chí *Văn học và tuổi trẻ*
- 14) Đỗ Ngọc Thống (2005): *Vai trò của lập luận trong văn nghị luận* -Tạp chí *Văn học và tuổi trẻ*
- 15) Đỗ Ngọc Thống (2005): *Đổi mới kiểm tra đánh giá môn Ngữ văn*- Tạp chí *Dạy học xưa và nay*

- 16) Đỗ Ngọc Thống (2006): *Luận điểm của bài văn nghị luận* - Tạp chí Văn học và tuổi trẻ
 - 17) Đỗ Ngọc Thống (2006) - *Tìm hiểu chương trình và SGK Ngữ văn THPT*- NXB GD.
 - 18) Đỗ Ngọc Thống (2007): *Đổi mới đề thi Ngữ văn và những ngộ nhận cực đoan* - Tạp chí Khoa học Giáo dục và tạp chí Văn học và tuổi trẻ .
 - 19) Đỗ Ngọc Thống (2007): *Làm văn* (giáo trình cho trường CĐSP) - NXB ĐHSP Hà Nội .
- Về văn học Việt Nam từ đầu thế kỉ XX đến 1945
- 1) Mã Giang Lân chủ biên. *Quá trình hiện đại hoá văn học Việt Nam 1900 – 1945*, Nxb. Văn hoá thông tin, 2000.
 - 2) *Tân thư và xã hội Việt Nam cuối thế kỉ XIX đầu thế kỉ XX*, Nxb. Chính trị Quốc gia, 1997.
 - 3) Hoài Thanh. *Thi nhân Việt Nam*, tái bản nhiều lần.
 - 4) Hoài Thanh. *Bình luận văn chương* Nxb. GD, 1998.
 - 5) Vũ Ngọc Phan. *Nhà văn hiện đại*, tái bản nhiều lần.
 - 6) Chu Văn Sơn. *Ba đỉnh cao thơ mới*, Nxb. GD, 2003.
 - 7) *Xuân thu nhã tập*.
 - 8) *Thơ mới 1932 - 1945, tác gia và tác phẩm*, Nxb. Hội nhà văn, 1999.
 - 9) Phan Cự Đệ. *Tự lực văn đoàn, con người và văn chương*, Nxb. Văn học, 1990.
 - 10) Phan Cự Đệ. *Phong trào thơ mới*, 1966.
 - 11) Phan Cự Đệ. *Văn học lãng mạn Việt Nam (1930 – 1945)*, Nxb. GD. 1997.
 - 12) Phan Cự Đệ - *Hàn Mặc Tử, tác phẩm, phê bình và tưởng niệm*, Nxb. GD., 1998.
 - 13) Hà Minh Đức. *Một cuộc cách mạng trong thi ca*. Nxb. Văn học.
 - 14) *Thơ mới 50 năm nhìn lại*, Nxb. GD, 1992.
 - 14) Hà Minh Đức. *Tự Lực văn đoàn, trào lưu và tác gia*, Nxb. GD, 2007.
 - 15) *Nguyễn Đăng Mạnh tuyển tập*, hai tập, Nxb. Giáo Dục, H., 2006..
 - 16) Đỗ Lai Thuý *Con mắt thơ*. Nxb. GD., H., 1998.
 - 17) Nhiều tác giả . *Nghĩ tiếp về Nam Cao*, Nxb., Hội nhà văn, H., 1992.
 - 18) Một số chuyên luận của các tác giả Lê Quang Hưng, Đinh Trí Dũng, Lê Dục Tú, Nguyễn Thanh Tú., Nguyễn Quang Trung...

Về lí luận văn học

- 1) *Giáo trình lí luận văn học*, (Phương Lưu chủ biên) chương Tiếp nhận văn học, Nxb., GD, H., 1998.
- 2) *Lí luận văn học*, Trần Đình Sử chủ biên, tập hai, dùng cho sinh viên cao đẳng sư phạm, Nxb., ĐHSP, 2003.

LỚP 12

1. Mục đích

- Thống nhất trên phạm vi toàn quốc kế hoạch dạy học và nội dung dạy học môn Ngữ văn cho trường THPT chuyên.
- Thống nhất trên phạm vi toàn quốc nội dung bồi dưỡng học sinh giỏi cấp THPT.

II. Kế hoạch dạy học

Tổng số tiết : 150% của chương trình nâng cao, trong đó 50% dành cho nội dung chuyên sâu (70 tiết).

Học kì I : 35 tiết.

Học kì II: 35 tiết.

III. Nội dung dạy học

3.1. Cấu trúc nội dung dạy học

Nội dung dạy học môn Ngữ văn lớp 12 dành cho các trường THPT chuyên ngoài nội dung được ghi trong chương trình Nâng cao môn Ngữ văn, còn có thêm nội dung chuyên sâu (70 tiết) được xây dựng dưới dạng các chuyên đề. Số tiết tối đa dành cho một chuyên đề là 7 tiết, được phân phối như sau:

Tiếng Việt: 1 chuyên đề, 7 tiết.

Làm văn : 02 chuyên đề, 14 tiết

Lí luận văn học: 02 chuyên đề, 14 tiết.

Văn học Việt Nam: 04 chuyên đề , 28 tiết.

Văn học nước ngoài: 01 chuyên đề, 7 tiết.

Các chuyên đề tiếng Việt, lí luận văn học, làm văn chủ yếu là chuyên đề nâng cao nhận thức và phương pháp, thực hiện chủ yếu bằng hoạt động thực hành, phục vụ cho yêu cầu nâng cao kĩ năng đọc văn và làm văn. Cụ thể là, chuyên đề *Thực hành về các phong cách chức năng và một số biện pháp tu từ tiếng Việt, Rèn luyện kết hợp các phương thức biểu đạt và các thao tác lập luận trong văn nghị luận, Tiếp nhận văn học và các giá trị văn học, Quá trình văn học* có ý nghĩa rất quan trọng đối với việc đọc hiểu văn học, nhận thức văn học sử và làm văn, bởi vì văn học, về cơ bản là vận dụng các phong cách và các biện pháp tu từ. Chuyên đề *Tiếp nhận văn học và các giá trị văn học, Quá trình văn học* có ý nghĩa thiết thực trong việc giúp nâng cao năng lực đọc hiểu sáng tạo của học sinh, đánh giá các giá trị của văn học và nhận thức sự thay đổi các hiện tượng văn học trong tiến trình lịch sử. Hai chuyên đề làm văn tập trung rèn luyện các kĩ năng quan trọng trong chương trình làm văn nghị luận lớp 12 và hướng dẫn làm văn theo đề mở.

Các chuyên đề văn học Việt Nam giúp học sinh nắm vững các tác phẩm văn học, các phong cách nghệ thuật tiêu biểu của giai đoạn văn học từ 1945 đến hết thế kỉ XX. Các chuyên đề này đều tập trung vào một số phương diện quan trọng nhất về nội dung và hình thức của văn học giai đoạn cuối thế kỉ XX, đặc biệt có hai chuyên đề giúp học sinh tìm hiểu văn học Việt Nam sau năm 1975 mà trong SGK chưa có điều kiện nói cụ thể. Chuyên đề về văn học nước ngoài tập trung vào vấn đề con người, tính nhân văn và sự đa dạng của các thể loại và bút pháp nghệ thuật.

Chuyên đề 1: Tiếp nhận văn học và các giá trị của văn học

Số tiết: 07

Nội dung	Mức độ cần đạt	Ghi chú
1. Về tiếp nhận văn học. 1.1. Văn bản là một cấu trúc mời gọi, có nhiều điểm “trắng”, “chưa xác định”, chưa hiểu được. 1.2. Chủ thể tiếp nhận “bổ sung”, “cụ thể hoá”, “đặt trong ngữ cảnh cụ thể”, làm cho văn bản “hoàn chỉnh”, “hiểu được thông suốt”, “có ý nghĩa”, tức là biến văn bản của nhà văn thành văn bản của người đọc. 1.3. Do tính chủ động, chủ quan của người đọc mà văn bản văn học có tính đa nghĩa, có đời sống cụ thể trong xã hội, lịch sử. 1.4. Mỗi người đọc thường chịu ảnh hưởng của “cộng đồng lí giải”, của thời mình, đồng thời thường chỉ phát hiện một khả năng nghĩa của văn bản. Không ai là người duy nhất hiểu văn	1. Về kiến thức – Về tiếp nhận văn học: Hiểu được nội dung khái niệm: xem lại khái niệm văn bản văn học đã học ở lớp 10, cấu trúc mời gọi, điểm chưa xác định (ở đây gồm tư tưởng, chủ đề, các chi tiết chưa cụ thể, bỏ lửng... đòi hỏi phải cụ thể hoá), tính chủ động sáng tạo của người đọc, quy luật đọc hiểu của mỗi người, khái niệm <i>hiểu</i> (hiểu là khi người đọc tìm thấy một ý nghĩa nào đó), khái niệm sự “hiểu nhầm” (hiểu không phù hợp với ý định của tác giả, với ý nghĩa của từ ngữ, kết cấu...), “mọi sự đọc ít nhiều đều là hiểu nhầm”. – Về các giá trị của văn học: Hiểu các khái niệm giá trị, giá trị thẩm mĩ, giá trị nghệ thuật, giá trị nhận thức, giá trị giáo dục. Ở đây lưu ý giá trị thẩm mĩ là những giá trị khác hẳn với giá trị thực dụng, bao gồm vẻ đẹp cảm tính, vẻ đẹp tinh thần (cái đẹp, cái cao cả, cái bi, cái hài và các biến thể của chúng như cái châm biếm, cái hài hước...), giá trị giải trí, mua vui, hướng con người đến những lí tưởng cao đẹp, sự giải thoát về tinh thần. Giá trị nghệ thuật thực chất là giá trị biểu hiện, sáng tạo của hình thức nghệ thuật (đối lập với cái có thật), bao gồm cách sử dụng ngôn từ, các thủ pháp, biện pháp	- Về phương pháp dạy bài tiếp nhận văn học, GV nên phân tích một quá trình đọc hiểu văn bản cụ thể, giúp HS hiểu thức chất của văn bản cũng như sự tiếp nhận. Chẳng hạn đọc hiểu <i>Tây tiến</i>, <i>Đàn ghi ta của Lorca</i>. Qua những cách đọc khác nhau cho HS thấy sự đa nghĩa, cách hiểu từ trong ngữ, trong cú pháp, trong văn bản; phân biệt đọc đúng và đọc nhầm. Cho HS tự phân tích quá trình đọc hiểu một văn bản cụ thể để rút ra kiến thức. - Cần lưu ý giá trị của văn học phụ thuộc vào

bản. Không ai độc quyền cảm thụ văn bản, dù là người đọc có chút tài năng. 2. Các giá trị văn học 2.1. Giá trị thẩm mỹ. 2.2. Giá trị nghệ thuật. 2.3. Giá trị nhận thức. 2.4. Giá trị giáo dục.	nghệ thuật, bút pháp, phong cách nghệ thuật, sức truyền cảm, kêu gọi, hấp dẫn. Giá trị nhận thức của văn học do gắn với giá trị thẩm mỹ cho nên cũng khác với nhận thức thực dụng như khoa học, lịch sử, mà bao gồm các giá trị nhận thức nhân văn của văn học như giúp con người biết phân biệt cái tốt, cái xấu, cái thật cái giả, khẳng định con người, quyền sống, phẩm giá, cá tính, tài năng...; đề cao tinh thần quả cảm, ý thức sáng tạo, lòng khoan dung; lên án mọi bất công, tội ác, thói xấu. Giá trị giáo dục cũng gắn với giá trị thẩm mỹ, cho nên khác với giáo dục thực dụng là giáo dục một tư tưởng quan điểm cụ thể, thể hiện ở giá trị nuôi dưỡng những tình cảm tốt đẹp như lòng đồng cảm, tinh thần vị tha, khích lệ những khát vọng vươn tới chân, thiện, mỹ; phát triển năng lực cảm giác, tưởng tượng, thể nghiệm đời sống. Lưu ý chọn các ví dụ trong lịch sử văn học Việt Nam hiện đại, do “đọc nhầm”, “đọc sai” mà đánh giá sai về giá trị của tác phẩm, ảnh hưởng đến số phận tác phẩm và tác giả văn học. 2. Về kỹ năng: – HS biết cách đọc văn bản văn học, có ý thức phát huy tính chủ động sáng tạo trong đọc hiểu văn bản văn học. – Biết phân tích và đánh giá các giá trị văn học đối với các văn bản đã học và các văn bản khác có độ khó tương tự.	sự đọc hiểu của người đọc. Đối với bài các giá trị văn học, GV tổ chức cho HS thảo luận giá trị của các văn bản cụ thể. Tạo điều kiện tối đa cho HS chủ động nghiên cứu, tự học các giá trị văn học.
--	---	---

Chuyên đề 2: Một số vấn đề về quá trình văn học
Số tiết: 07

Nội dung	Mức độ cần đạt	Ghi chú
1. Khái niệm quá trình văn học: Văn học là sản phẩm của lịch sử. Văn học bắt nguồn từ lao động, từ bản năng vui chơi, từ ma thuật, từ tình cảm tôn giáo. Các nguồn gốc này đều có thật và giúp hiểu văn học từ nhiều mặt. Mỗi quan hệ văn học với xã hội, lịch sử, văn hoá, kinh tế. Sự vận động, phát triển của bản thân văn học như nghệ thuật ngôn từ từ nguyên hợp đến phân hoá thành các nghệ thuật. Trong quá trình phát triển, văn học trải qua các hình thái: văn học dân gian, văn học viết, văn học cổ đại mang dấu ấn ý thức thần thoại, văn học trung đại bị chi phối bởi ý thức quyền uy; văn học cận, hiện đại bị chi phối bởi cá tính sáng tạo của nhà văn. - Một số quan niệm văn học trong lịch sử: văn học “mô phỏng” (Aristote) tự nhiên, văn học phản ánh, tái hiện đời sống (Bêlinski), văn học là sự biểu hiện của chủ thể (chủ nghĩa lãng mạn), văn	1. HS nắm được văn học là sản phẩm của sự phát triển lịch sử, đặc điểm của văn học phụ thuộc vào quan niệm văn học của mỗi thời, của nhà văn. Có các quan niệm như: văn học là “bắt chước,” “tái hiện” cuộc sống, lấy thế giới khách quan làm chuẩn; văn học là biểu hiện, lấy thế giới tình cảm chủ quan làm chuẩn; văn học là công cụ thực dụng như giáo hoá, đấu tranh, lấy tác động thực dụng làm chuẩn) ; văn học vì bản thân nó, nghệ thuật vị nghệ thuật, lấy sáng tạo tác phẩm làm mục đích; văn học là sự thể nghiệm đời sống, lấy thể nghiệm – một mối quan hệ chủ thể – khách thể làm chuẩn). Khi đánh giá tác phẩm cần xem nó là sản phẩm của thời nào với quan niệm như thế nào về văn học. 2. HS nắm được các khái niệm cơ bản như: phong cách, trào lưu (trường phái), khuynh hướng văn học. - Phong cách nhà văn là tính độc đáo,	Giáo viên cần chuẩn bị các ví dụ về quan niệm văn học, quan niệm tái hiện như kiểu phản ánh hiện thực hiểu theo nghĩa hẹp, quan niệm biểu hiện như quan niệm lãng mạn, quan niệm thực dụng như “văn dĩ tải đạo”, văn học là vũ khí...quan niệm văn học vì bản thân nó như quan niệm “nghệ thuật vị nghệ thuật” của Oscar Wild, của Baudelaire, của R. Jakobson, phần nào của Hoài Thanh, “văn chương là văn chương”, quan niệm văn học là thể nghiệm là quan niệm thịnh hành ngày nay, khi đề cao vai trò chủ thể, đối thoại với thế giới. Ngoài khái niệm phong cách đã được trình bày

học là văn bản được sáng tạo, văn học là sự đồng sáng tạo của người đọc, văn học là biểu hiện vô thức của nhà văn, văn học phục vụ mục đích thực dụng như giáo dục, tuyên truyền,... Các quan điểm này đều có ý nghĩa trong phạm vi của nó, không nên phủ diện phiến diện một quan niệm nào. 2. Các thành phần của văn học trong không gian, thời gian: nhà văn, thể loại, ngôn ngữ, người đọc, phong cách, trào lưu, trường phái, khuynh hướng, thời đại văn học. Các thành phần này tương tác và quy định nhau, tạo thành diện mạo, đặc trưng văn học mỗi thời. 3. Các quy luật của quá trình văn học: tác động qua lại với hiện thực lịch sử; kế thừa và cách tân; giao lưu, tiếp nhận và chịu ảnh hưởng trong quan hệ với văn học nước ngoài.	sáng tạo nghệ thuật gắn với một quan niệm nhất định về con người và cuộc đời. - Trào lưu (cũng gọi là trường phái) là phong trào có quan niệm văn học và sáng tác văn học thịnh hành trong thời gian và không gian nhất định, có quan hệ mật thiết với một trào lưu tư tưởng xã hội, tư tưởng mỹ học, thể hiện xu thế văn học chủ yếu của một thời, có tác dụng ảnh hưởng đến những thế hệ nhà văn, tạo thành những quy phạm chung của văn học thời đó. Chẳng hạn trào lưu Văn nghệ Phục hưng, trào lưu ánh sáng, chủ nghĩa cổ điển, chủ nghĩa lãng mạn, chủ nghĩa hiện thực (gồm chủ nghĩa hiện thực phê phán, chủ nghĩa hiện thực xã hội chủ nghĩa), chủ nghĩa tự nhiên, chủ nghĩa hiện đại, chủ nghĩa hậu hiện đại... Đặc điểm của trào lưu là có quan niệm văn học riêng, mở ra một chân trời sáng tác mới so với truyền thống, có người tham gia tương đối đông đảo, có quy mô, đồng thời cũng khá đa dạng. Tự lực văn đoàn, phong trào Thơ mới cũng là những trào lưu văn học. Trường phái văn học là một tập hợp (nhóm, trường)) nhà văn	trong chuyên đề riêng, GV cần chuẩn bị ví dụ về trào lưu, trường phái, khuynh hướng văn học và các ví dụ khác, đặc biệt là các trào lưu văn học hiện đại chủ nghĩa như: chủ nghĩa tượng trưng, chủ nghĩa biểu hiện, chủ nghĩa hiện sinh văn học, dòng ý thức,... GV cũng cần chuẩn bị các ví dụ về kế thừa, cách tân, giao lưu, ảnh hưởng của văn học, hoặc tổ chức cho HS trao đổi.
--	--	--

	với quy mô nhỏ hơn, giới hạn trong những nhà văn có hứng thú sáng tác gần gũi, có trường hợp lấy một nhà văn lớn nào đó làm bậc thầy. Nhóm (trường) thơ Bình Định, Xuân thu nhã tập đều có thể coi là trường phái. - Khuynh hướng văn học (còn gọi là dòng văn học) chủ yếu là chỉ sự gần gũi một số mặt của những sáng tác văn học trong không gian và thời gian như về mặt tư tưởng và thẩm mỹ, chẳng hạn khuynh hướng yêu nước, khuynh hướng trào phúng... 3. Nằm được quy luật kế thừa và cách tân thể hiện trong các tác phẩm văn học cụ thể. Vấn đề giao lưu, tiếp thu ảnh hưởng của văn học nước ngoài có ý nghĩa quan trọng trong quá trình văn học. ảnh hưởng văn học thể hiện ở tính liên văn bản của văn bản. HS cũng cần biết qua một số ví dụ của văn học hiện đại. 4. HS học kết hợp với kiến thức về giai đoạn văn học, biết gọi tên đúng các hiện tượng văn học tương ứng.	
--	--	--

Chuyên đề 3: Thực hành về các phong cách ngôn ngữ chức năng và một số biện pháp tu từ
Số tiết: 07

TT	Nội dung chính	Mức độ cần đạt	Ghi chú
I	Các phong cách ngôn ngữ chức năng 1. Khái quát về các phong cách ngôn ngữ chức năng 2. Thực hành phân tích các đặc điểm của một số phong cách ngôn ngữ chức năng 3. Thực hành tạo lập văn bản thuộc một số phong cách ngôn ngữ chức năng	1. Về kiến thức Hiểu sâu hơn về khái niệm và các đặc điểm của phong cách ngôn ngữ chức năng: hành chính, khoa học, chính luận, báo, sinh hoạt, nghệ thuật ... 2. Về kĩ năng - Nhận ra và phân tích được các đặc điểm sử dụng ngôn ngữ của các phong cách ngôn ngữ chức năng: hành chính, khoa học, chính luận, báo, sinh hoạt, nghệ thuật ... - Tạo lập được văn bản thuộc các phong cách ngôn ngữ chức năng 3. Về thái độ Có ý thức sử dụng ngôn ngữ phù hợp với phong cách ngôn ngữ chức năng	Cung cấp lí thuyết ở mức độ như SGK, tăng cường hoạt động thực hành
II	Các biện pháp tu từ 1. Khái quát về các biện pháp tu từ 2. Thực hành nhận diện và phân tích giá trị của biện pháp tu từ trong giao tiếp hằng ngày và trong văn học 3. Thực hành sử dụng các biện pháp tu từ phù hợp với mục đích và hoàn cảnh	1. Về kiến thức - Hiểu sâu hơn, kĩ hơn về các biện pháp tu từ - Nắm được các giá trị của mỗi biện pháp tu từ 2. Về kĩ năng - Nhận ra các biện pháp tu từ trong lời nói	Các biện pháp tu từ cụ thể được sử dụng trong tác phẩm được học ở THPT Cung cấp lí thuyết ở mức độ

	cảnh giao tiếp, đặc biệt là trong văn bản văn học.	hằng ngày và trong tác phẩm văn học - Phân tích được giá trị tu từ của các biện pháp tu từ trong lời nói hằng ngày và trong tác phẩm văn học - Có khả năng sử dụng các biện pháp tu từ phù hợp với mục đích và hoàn cảnh giao tiếp 3. Về thái độ Có ý thức sử dụng các biện pháp tu từ phù hợp với hoàn cảnh giao tiếp để đạt được hiệu quả cao trong diễn đạt	như SGK, tăng cường hoạt động thực hành
--	---	---	--

Chuyên đề 4 : Đọc hiểu một số tác phẩm văn học việt nam sau năm 1975
Số tiết: 07

Nội dung	Mức độ cần đạt	Ghi chú
Tìm hiểu một số tác phẩm tiêu biểu của văn học sau 1975 như <i>Thời xa vắng, Nỗi buồn chiến tranh, Thiên sứ, Tướng về hưu, Phiên chợ Giát, Cờ lau Đinh Bộ Lĩnh, Bóng chữ, Trường ca...</i>	1. Về kiến thức Nắm được bối cảnh ra đời của tác phẩm, từ đó hiểu được ý nghĩa những tìm tòi đổi mới về nội dung và nghệ thuật mà tác giả gửi vào đó. Thí dụ: <i>Thời xa vắng</i> của Lê Lưu chủ yếu quan tâm đổi mới nội dung hiện thực (vấn đề giá trị cá nhân trong văn hóa làng xã và các nguyên tắc thời chiến, các bất cập thời hậu chiến). <i>Tướng về hưu</i> của Nguyễn Huy Thiệp vừa đặt ra những suy tư nhức nhối về việc chuyển đổi thế nào hệ giá trị thời chiến sang thời bình và những tác động của kinh tế thị trường..., vừa nỗ lực đổi mới nghệ thuật trần thuật theo nguyên tắc đối thoại đa thanh. <i>Thiên sứ</i> của Phạm Thị Hoài vừa là sự truy vấn về những thảm trạng văn hoá, vừa đề xuất một quan niệm mới về tiểu thuyết. <i>Nỗi buồn chiến tranh</i> của Bảo Ninh là dạng tiểu thuyết dòng ý thức, cùng lúc làm mới nội dung (có thể viết về chiến tranh như thế nào) và hình thức biểu đạt (có thể viết tiểu thuyết như thế nào). Thơ <i>Lối nhỏ</i> của Dư Thị Hoàn. Các trường ca. <i>Phiên chợ Giát</i> của Nguyễn Minh Châu là một văn bản đa thanh trình bày số phận người nông dân qua cái nhìn triết học – lịch sử. <i>Cờ lau Đinh Bộ Lĩnh</i> của Chế Lan Viên là nhu cầu tìm về bản ngã của cái tôi trữ tình cá nhân, <i>Bóng chữ</i> của Lê Đạt thể hiện nỗ lực cách tân thơ theo tinh thần “làm thơ là làm tiếng Việt”...	Giáo viên cung cấp tư liệu về tác giả, tác phẩm (với tiểu thuyết chọn trích đoạn), sau đó nêu câu hỏi để học sinh nhận xét về những đặc sắc nội dung và nghệ thuật của tác phẩm (Thí dụ: về đề tài, cảm hứng, về thể loại, về nghệ thuật trần thuật...)

	2. Về kĩ năng Trang bị được những kinh nghiệm đọc mới để nhận ra sự thay đổi của tư duy văn học. 3. Về thái độ Trân trọng những nỗ lực làm mới văn chương trên tinh thần dân chủ và nhân bản.	
--	---	--

Chuyên đề 5: Văn học Việt Nam sau năm 1975
Số tiết: 07

Nội dung	Mức độ cần đạt	Ghi chú
Tinh thần dân chủ hoá văn học thể hiện trong cách nhìn con người, trong quan niệm về hiện thực và trong mối quan hệ mới giữa nhà văn với bạn đọc	1. Về kiến thức - Nắm được sự thay đổi to lớn của hoàn cảnh lịch sử - xã hội đưa đến sự thay đổi môi trường văn hoá và tâm thế sáng tạo của nhà văn (từ chiến tranh trở về quỹ đạo hoà bình, công cuộc đổi mới đất nước, giao lưu đa chiều, xu thế toàn cầu hoá, vai trò của internet...) - Hiểu được chính cái nhìn dân chủ hoá về con người và hiện thực đã đưa đến những đổi mới phong phú về thể loại và thủ pháp biểu hiện. - Một số chủ đề chính của văn học sau 1975: • Nhận thức lại một số vấn đề xã hội trong quá khứ và thực tại: cải cách ruộng đất, chiến tranh, những bất cập thời bao cấp, những tác động của kinh tế thị trường. • Những băn khoăn, trăn trở về con người: nhu cầu khẳng định cá tính, ám ảnh cô đơn, khát vọng hoà bình, hạnh phúc. • Những băn khoăn, trăn trở về cách viết: nhu cầu làm mới và làm khác với truyền thống.	Giáo viên cung cấp thêm cho học sinh tri thức về văn học sử, nêu câu hỏi gợi mở để học sinh so sánh, rút ra sự thay đổi cơ bản của hoàn cảnh lịch sử xã hội, từ đó đi đến nhận thức: sự đổi mới của văn học Việt Nam sau 1975 là tất yếu.

	2. Về kĩ năng Trang bị thêm những kinh nghiệm đọc mới để có thể hiểu được những tác phẩm không chỉ <i>mới</i> mà còn khác với truyền thống. 3. Về thái độ Khẳng định sự đổi mới văn học sau 1975 là tất yếu và nó thuộc về công cuộc đổi mới của đất nước.	
--	--	--

Chuyên đề 6: Phong cách một số nhà thơ Việt Nam hiện đại
Số tiết: 07

Nội dung	Mức độ cần đạt	Ghi chú
1. Khái niệm phong cách nghệ thuật 1.1. Cơ sở tư tưởng của phong cách nghệ thuật: tư tưởng nghệ thuật và cảm quan riêng về thế giới 1.2. Các tính chất và quy luật của phong cách - Một phạm trù thẩm mĩ - Tính chỉnh thể: một thế giới nghệ thuật đa dạng nhưng thống nhất. - Một diện mạo nghệ thuật cụ thể - Luôn vận động, biến chuyển trên một căn bản thống nhất. 2. Phong cách thơ nghệ thuật HỒ Chí Minh 2.1. Một sự nghiệp văn học phong phú, đa dạng về thể loại và phong cách 2.2. Phân loại hai lối thơ	1. Về kiến thức - Hiểu khái niệm phong cách nghệ thuật, các tính chất và quy luật của phong cách. - Hiểu các nội dung phong cách thơ nghệ thuật của một số nhà thơ tiêu biểu: HỒ Chí Minh, TỐ Hữu, Xuân Diệu, Chế Lan Viên, Nguyễn Đình Thi. - Hiểu, cảm nhận về giá trị nội dung và nghệ thuật của một số bài thơ tiêu biểu cho phong cách nghệ thuật của mỗi tác giả.	- Giáo viên cung cấp thêm cho học sinh các tri thức về phong cách thơ nghệ thuật, nêu câu hỏi gợi mở để học sinh so sánh, rút ra những nhận định khái quát về phong cách thơ nghệ thuật của mỗi tác giả.

2.3. Phong cách thơ nghệ thuật Hồ Chí Minh - Trong sáng, giản dị, hồn nhiên, tự nhiên - Cổ điển mà hiện đại - Tinh thần chiến sĩ ẩn trong hình tượng thi sĩ - Một nụ cười thoải mái, trẻ trung. 3. Phong cách nghệ thuật thơ Tố Hữu 3.1. Thơ trữ tình chính trị - Thơ của lí tưởng cộng sản - Những tình cảm trong quan hệ chính trị với cộng đồng và những nhân vật hiện thân của lí tưởng cách mạng 3.2. Tính dân tộc truyền thống đậm đà - Hình ảnh truyền thống - Thể điệu truyền thống - Những sáng tạo tài hoa về nhạc điệu 3.3. Giọng tâm tình ngọt ngào 4. Phong cách thơ nghệ thuật Xuân Diệu 4.1. Niềm khát khao giao cảm hết mình với cuộc đời trần thế, trần tục 4.2. Nhà thơ lớn của tình yêu 4.3. Một thế giới nghệ thuật đầy tính sắc dục và một cách tân táo bạo về thi pháp 4.4. Xuân Diệu và tượng trưng – quan hệ truyền thống và hiện đại. 5. Phong cách thơ nghệ thuật Chế Lan Viên 5.1. Một hồn thơ giàu chất trí tuệ, ham suy luận, triết lí - Một trí tuệ sắc sảo, linh hoạt - Những khái quát từ kinh nghiệm cá nhân và cảm hứng	2. Về kĩ năng - Biết so sánh để thấy được những nét riêng độc đáo trong phong cách thơ nghệ thuật của một số nhà thơ tiêu biểu. - Biết vận dụng những kiến thức về phong cách thơ nghệ thuật để đọc - hiểu, cảm nhận các bài thơ đã học và đọc thêm của các tác giả trên 3. Về thái độ - Trân trọng những đóng góp riêng, đặc sắc của các nhà thơ cho nền thơ ca của dân tộc	- Cần tăng cường thực hành để HS nhận diện, cảm nhận, phân tích về phong cách của các tác giả qua những tác phẩm thơ đã học và đọc thêm.
---	---	--

sám hối - Tính chính luận, giọng hùng biện 5.2. Những tìm tòi về vẻ đẹp tâm kì - Lời thơ đầy trang sức - Nhà thiết kế những hình ảnh tâm kì + Những liên tưởng, so sánh mới lạ + Những hình ảnh kì ảo + Thủ pháp đối lập, tạo nghịch lí - Thể thơ đa dạng 6. Phong cách thơ nghệ thuật Nguyễn Đình Thi 6.1 Bài thơ đất nước đẹp trong gian lao, bất hạnh 6.2. Chất trí tuệ: tìm tòi lớn trong cái nhỏ nhất đời thường 6.3. Thơ điệu nói, hàm súc, kiệm vắn		
--	--	--

Chuyên đề 7: Phong cách một số nhà văn Việt Nam hiện đại
Số tiết: 07

Nội dung	Mức độ cần đạt	Ghi chú
1. Phong cách nghệ thuật Nguyễn Công Hoan 1.1. Khám phá xã hội thực dân tư sản như một sân khấu hài kịch - Quan hệ giàu – nghèo + Người giàu diễn trò – hài kịch + Kẻ nghèo diễn trò – bi hài kịch	1. Về kiến thức - Hiểu khái niệm phong cách nghệ thuật, các tính chất và quy luật của phong cách. - Hiểu các nội dung phong cách thơ nghệ thuật của một số nhà	- Giáo viên cung cấp thêm cho học sinh các tri thức về phong cách nghệ thuật, nêu câu hỏi gợi mở để học sinh so

- Quan hệ nam nữ, già trẻ + Bi hài kịch giả tạo, phản hiện thực 1.2. Nghệ thuật trần thuật hấp dẫn - Khám phá mâu thuẫn trào phúng, tạo tình huống trào phúng - Phóng đại mâu thuẫn, kết thúc đột ngột 1.3. Ngôn ngữ xuống xã đời thường. 2. Phong cách nghệ thuật Nguyễn Tuân 2.1. Cái ngông vừa cổ điển vừa hiện đại, thể hiện niềm tự hào về truyền thống văn hoá của dân tộc và thái độ bất hoà, bất mãn với xã hội thực dân. 2.2. Một ngòi bút tài hoa, uyên bác: tiếp cận thế giới nghiêng về phương diện văn hoá nghệ thuật; tiếp cận con người nghiêng về phương diện tài hoa nghệ sĩ. 2.3. Quan niệm cái đẹp phải độc đáo, khác thường, đập mạnh vào giác quan nghệ sĩ 2.4. Thể văn sở trường: tùy bút 3. Phong cách nghệ thuật Nguyên Hồng 3.1. Chủ nghĩa nhân đạo thống thiết hướng về những người cùng khổ - Thế giới nhân vật Nguyễn Hồng – Nhân vật phụ nữ - Khát vọng nói cho hết nỗi khổ của loài người - Nhân vật không bị tha hoá, không chịu gục ngã về tinh thần	văn tiêu biểu: Nguyễn Công Hoan, Nguyễn Tuân, Nguyên Hồng, Nam Cao, Nguyễn Khải, Nguyên Ngọc - Hiểu, cảm nhận về giá trị nội dung và nghệ thuật của một số tác phẩm tiêu biểu cho phong cách nghệ thuật của mỗi tác giả. 2. Về kĩ năng - Biết so sánh để thấy được những nét riêng độc đáo trong phong cách nghệ thuật của một số nhà văn tiêu biểu. - Biết vận dụng những kiến thức về phong cách thơ nghệ thuật để đọc - hiểu, cảm nhận các phẩm đã học và đọc thêm của các tác giả trên 3. Về thái độ - Trân trọng những đóng góp riêng, đặc sắc của các nhà văn cho nền văn học của dân tộc	sánh, rút ra những nhận định khái quát về phong cách nghệ thuật của mỗi tác giả. - Cần tăng cường thực hành để HS nhận diện, cảm nhận, phân tích về phong cách của các tác giả qua những tác phẩm đã học và đọc thêm.
---	--	---

3.2. Nhà văn hiện thực, phong cách lãng mạn - Chất thơ lãng mạn trong văn Nguyễn Hồng - Ánh nắng trong thế giới nghệ thuật Nguyễn Hồng - Giọng văn sôi nổi, dạt dào, tràn đầy sức sống 4. Phong cách nghệ thuật Nam Cao 4.1. Nỗi đau khổ không nguôi trước tình trạng con người không giữ nổi nhân tính, nhân phẩm vì miếng cơm manh áo và chất “hèn” của thân phận nô lệ 4.2. Đề tài hẹp, tư tưởng lớn và hai bình diện nội dung tác phẩm 4.3. Nhà văn hiện thực tâm lý - Đề cập những trạng thái tâm lý lưỡng phân - Khả năng phân tích diễn tả những quá trình diễn biến tâm lý phức tạp 4.4. Nghệ thuật trần thuật nhiều giọng điệu - Quan điểm trần thuật dịch chuyển từ nhân vật này đến nhân vật khác - Độc thoại nội tâm - Giọng khách quan vô cảm và giọng trữ tình tha thiết - Ngôn ngữ chính xác, tinh luyện; việc sử dụng khẩu ngữ đầy tài hoa 5. Phong cách nghệ thuật Nguyễn Khải 5.1. Hứng thú nghiên cứu đời sống hiện thực - Sắc sảo trong phát hiện vấn đề		
--	--	--

- Phát biểu tư tưởng từ “khoán chui” đến “khoán tự do” 5.2. Triết luận chính trị và triết luận nhân sinh 5.3. Giọng điệu trần thuật - Hình tượng người kể chuyện: thông minh, hóm hỉnh, giàu trải nghiệm - Giọng điệu nhiều sắc thái: vui lẫn buồn, tin tưởng và hoài nghi, khẳng định và phủ định, nghiêm trang và suồng sã, giễu mình và giễu người, thể hiện một cái nhìn không đơn giản một chiều về cuộc đời và con người 6. Phong cách nghệ thuật Nguyễn Ngọc 6.1. Khuynh hướng sử thi, cảm hứng lãng mạn là bản chất con người Nguyễn Ngọc 6.2. Nhân vật sử thi mang “màu sắc Nguyễn Ngọc” - Nhân vật của thiên nhiên hoang dã - Những con người thẳng băng, trong suốt - Những tâm hồn nghệ sĩ, lãng mạn 6.3. Giọng điệu sử thi tiêu biểu		
--	--	--

Chuyên đề 8: Vấn đề con người và nghệ thuật thể hiện trong phần văn học nước ngoài của chương trình THPT

Số tiết: 07

Nội dung	Mức độ cần đạt	Ghi chú
1. Con người- đối tượng nhận thức, khám phá	1.Về kiến thức:	- Hướng dẫn HS tìm và

và thể hiện của văn học. 1.1. Con người là một thực thể phong phú, phức tạp và đầy bí ẩn mà văn học nghệ thuật cần khám phá và thể hiện. 1.2. Do tác động của hoàn cảnh lịch sử, hình thái tư duy, khuynh hướng cảm hứng thẩm mỹ của thời đại, nhờ tư tưởng, tài năng, phong cách riêng, mỗi nhà văn lại có những phát hiện riêng về con người và sáng tạo ra những phương thức riêng để diễn tả. 2. Lần lượt phân tích các tác phẩm văn học nước ngoài trong chương trình theo định hướng trên. Khi phân tích chú ý liên hệ so sánh các tác phẩm cùng thời đại, cùng đề tài, cùng thể loại, tìm ra những nét chung và riêng của mỗi tác phẩm về nội dung và hình thức nghệ thuật. Một vài ví dụ : - Về văn học cổ đại : Sử thi Ô-đi-xê của Hô-me-rơ (trích đoạn <i>Uy-li-xơ trở về</i>) và Ra-ma-ya-na của Va-mi-ki (trích đoạn <i>Ra-ma buộc tội</i>) : khám phá và ca ngợi vẻ đẹp của lòng chung thủy tuyệt vời của người phụ nữ. Lòng chung thủy được thể hiện sáng ngời qua những thử thách khắc nghiệt : thử thách của thời gian xa cách và sự căm dỗ của những kẻ cầu hôn (<i>Uy-li-xơ trở về</i>) ; thử thách của	- Nắm được những đặc điểm cơ bản của hoàn cảnh và của văn học các thời đại. - Nắm được thi pháp của sử thi cổ đại, của tiểu thuyết và thi ca trung đại (thơ Đường), thi pháp của văn học lãng mạn, văn học hiện thực. - Hiểu được những phát hiện khác nhau về con người và nghệ thuật thể hiện trong các tác phẩm văn học nước ngoài trong chương trình THPT. 2. Kỹ năng - Nắm được kỹ năng phân tích nhân vật của tác phẩm văn học thuộc các thể loại khác nhau. - Có khả năng liên hệ so sánh các tác phẩm cùng thời đại, cùng thể loại, cùng đề tài để nhận ra những nét chung và riêng của mỗi tác phẩm trong những phát hiện về con người và nghệ thuật thể hiện	đọc các tài liệu về thi pháp của sử thi cổ đại, của tiểu thuyết, thơ ca trung đại, của khuynh hướng lãng mạn chủ nghĩa và hiện thực chủ nghĩa trong văn học. - Chỉ đạo học sinh trao đổi về một số tác phẩm trong phần văn học nước ngoài của chương trình THPT xung quanh vấn đề : sự phát hiện con người và nghệ thuật diễn tả của mỗi tác phẩm
---	---	---

ngọn lửa hờn ghen dữ dội của Ra-ma (*Ra-ma buộc tội*). Nghệ thuật : sử dụng yếu tố kì ảo và cách trần thuật đầy kịch tính.

- **Về văn học trung đại** : Tiểu thuyết Tam quốc diễn nghĩa của La Quán Trung (trích đoạn *Hồi trống Cổ Thành*) : ngợi ca lòng trung thành tuyệt đối, tín nghĩa tuyệt vời của con người qua nhân vật Trương Phi. Nghệ thuật : dùng hành vi ngoại hiện để diễn tả tâm lí tính cách nhân vật, thủ pháp trần thuật đầy kịch tính.

Thơ Đường : bài *Từ lầu Hoàng Hạc tiễn Mạnh Hạo Nhiên đi Quảng Lăng* của Lí Bạch: thể hiện vẻ đẹp của tình bạn – một trong những đề tài tiêu biểu của thơ Đường (giai thì, mỹ cảnh, thắng sự, lương bằng). Nghệ thuật : tính hàm súc cao, mượn cảnh tả tình, tạo ý ngoài lời (ý tại ngôn ngoại)

- **Về văn học hiện đại** :

+ *Khuynh hướng lãng mạn chủ nghĩa* : tiểu thuyết Những người khốn khổ của Victor Hugo (trích đoạn Người cầm quyền khôi phục uy quyền) : ca ngợi lòng nhân đạo cao cả (qua nhân vật Giăng Van giăng) và lên án thái độ vô cảm tàn nhẫn (qua nhân vật Giave). Nghệ thuật : dùng thủ pháp phóng đại và đối lập để lí tưởng hoá nhân vật chính diện và tô

đậm cái ác của nhân vật phản diện ; trần thuật giàu kịch tính

+ *Khuyñh hướng hiện thực chủ nghĩa* : tiểu thuyết Lão Gô-ri-ô của H.Banđắc (trích đoạn *Đám tang lão Gô-ri-ô*) : phát hiện và diễn tả tình cha con ruột thịt của con người có thể bị huỷ diệt hoàn toàn bởi sức mạnh của đồng tiền. Nghệ thuật : sử dụng hàng loạt chi tiết chân thực đầy sức gợi tả và giọng trần thuật khách quan vô cảm để làm nổi bật ý nghĩa tư tưởng từ bản thân hiện thực.

Tiểu thuyết *Ông già và biển cả* của Hêminghuê (trích đoạn *Đánh bắt con cá kiếm*) : ca ngợi nghị lực phi thường và ý chí kiên cường bất khuất của con người trong cuộc vật lộn với thiên nhiên : “con người có thể bị huỷ diệt nhưng không thể bị đánh bại”. Nghệ thuật trần thuật đầy kịch tính, sử dụng xuất sắc thủ pháp độc thoại nội tâm.

Chuyên đề 9: Rèn luyện kết hợp các phương thức biểu đạt và các thao tác lập luận trong bài văn nghị luận

Số tiết: 07

Nội dung	Mức độ cần đạt	Ghi chú
1. Hệ thống hoá lại các khái niệm cơ bản 1.1. Thế nào là phương thức biểu đạt? Các phương thức biểu đạt chính: <i>tự sự, miêu tả, biểu cảm, thuyết minh, nghị luận, hành chính- công vụ.</i> 1.2. Thế nào là các thao tác lập luận? Các thao tác lập luận chính đã học: <i>giải thích, chứng minh, phân tích, bác bỏ, so sánh, bình luận,</i> 2. Kết hợp các phương thức biểu đạt và các thao tác lập luận trong bài văn nghị luận của học sinh giỏi 2.1. Tại sao phải kết hợp các phương thức biểu đạt và các thao tác lập luận ? 2.2. Vai trò, tác dụng của việc kết hợp các phương thức biểu đạt và các thao tác lập luận. 2.3. Những yêu cầu của việc kết hợp các phương thức biểu đạt và các thao tác lập luận. 2.4. Cách thức kết hợp các phương thức biểu đạt và các thao tác lập luận. 3. Luyện tập thực hành	1. Về kiến thức - Hiểu thế nào là phương thức biểu đạt và nắm được đặc điểm của các phương thức biểu đạt cơ bản đã học. - Phân biệt được các phương thức biểu đạt và mối quan hệ của chúng. - Hiểu thế nào là thao tác lập luận và đặc điểm của các thao tác lập luận chính đã học - Phân biệt được các thao tác lập luận và mối quan hệ của các thao tác ấy. - Thấy được vai trò và tác dụng của việc kết hợp các PTBD và các TTLL. - Nắm được các yêu cầu và cách thức kết hợp các PTBD và các TTLL. 2. Về kỹ năng - Nhận biết và thấy được cái hay	- Cung cấp mẫu về đoạn văn, bài văn nghị luận có sự kết hợp tốt các PTBD và các TTLL. - HS ôn lại lí thuyết về PTBD và TTLL đã học và những mẫu đoạn văn, bài văn cụ thể, suy nghĩ theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn, tự mình rút ra kết luận về việc kết hợp các PTBD và các TTLL. - Thực hành nhận diện và thuyết minh, giới thiệu bài văn nghị luận và sự kết hợp các PTBD và các TTLL HS tự sưu tầm. - Thực hành viết đoạn văn , bài văn có sự kết hợp các PTBD và các TTLL

a) Nhận diện, phân tích sự kết hợp các PTBĐ và các thao tác lập luận qua một đoạn văn, một bài văn. b) Luyện tập: viết đoạn văn, bài văn theo yêu cầu kết hợp các PTBĐ và các TTLL.	của bài văn nghị luận có sự kết hợp các PTBĐ và các TTLL . - Biết cách viết bài văn nghị luận có sự kết hợp các PTBĐ và các TTLL 3. Về thái độ - Biết trân trọng những áng văn nghị luận kết hợp tốt các PTBĐ và các TTLL.	
---	---	--

Chuyên đề 10 : Đề mở và cách luyện tập viết bài văn theo đề mở

Số tiết: 07

Nội dung	Mức độ cần đạt	Ghi chú
1. Một số hiểu biết về đề mở. 1.1. Thế nào là đề mở (trong sự đối sánh với đề truyền thống- đề đóng) 1.2. Các dạng đề mở - Đề không nêu yêu cầu về phương thức biểu đạt và thao tác lập luận cụ thể. - Đề không nêu yêu cầu về phạm vi tư liệu cần vận dụng. 1.3. Những ngộ nhận và các quan niệm cực đoan về đề mở. 2. Cách làm đề mở 2.1. Phân tích, tìm hiểu đề mở	1. Về kiến thức - Hiểu thế nào là đề mở, phân biệt với loại đề truyền thống. - Nắm được các dạng đề mở: đặc điểm và yêu cầu - Nắm được các biểu hiện ngộ nhận và cực đoan trong quan niệm về đề mở - Nắm được cách làm đề mở : cách tìm hiểu, cách tìm ý, lập dàn ý, cách kết hợp các phương thức biểu đạt và các thao tác lập luận trong khi viết bài văn theo đề mở...	- Cung cấp hệ thống đề mở theo các dạng khác nhau và các đoạn, bài văn viết theo dạng đề mở. - HS đọc tài liệu lí thuyết về đề mở, suy nghĩ theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn, tự mình rút ra kết luận về đề mở và cách thức luyện tập viết bài văn theo đề mở. - Thực hành nhận diện, phân tích đề mở theo yêu

2.2. Tìm ý và lập dàn ý cho đề mở 2.3. Kết hợp các phương thức biểu đạt và các thao tác lập luận trong bài văn theo đề mở. 2.4. Những sai sót thường gặp khi làm đề mở 3. Luyện tập về đề mở 3.1. Phân tích, nhận diện về đề mở 3.2. Nhận diện bài văn viết theo đề mở 3.3. Nhận diện và phân tích lỗi trong viết bài văn theo đề mở, nêu hướng khắc phục. 3.4. Luyện tập viết đoạn/bài văn theo các dạng đề mở	2. Về kỹ năng - Biết nhận diện và phân tích một đề mở - Có kỹ năng tìm ý và lập dàn ý cho đề mở - Có kỹ năng kết hợp các phương thức biểu đạt và các thao tác lập luận trong khi viết bài văn theo đề mở... - Biết nhận ra các lỗi khi viết đề mở 3. Về thái độ - Có ý thức tìm hiểu và luyện tập viết bài văn theo các dạng đề mở.	câu của chuyên đề. - Thực hành viết bài văn theo các dạng đề mở đã học.
--	--	--

IV. Giải thích và hướng dẫn thực hiện

4.1. Kế hoạch dạy học

Mỗi học kì học 35 tiết chuyên đề, thời lượng mỗi chuyên đề đã được quy định cụ thể. Giáo viên nên sắp xếp chuyên đề có nội dung tương ứng với nội dung của SGK. Ngoài 4 tiết/tuần của ngữ văn nâng cao bố trí thêm 2 tiết/tuần theo kế hoạch dạy học của trường THPT chuyên.

Kế hoạch dạy học nên thực hiện linh hoạt, không cứng nhắc, nhằm đạt hiệu quả cao.

4.2. Nội dung dạy học

Nội dung dạy học chuyên sâu dựa vào các căn cứ:

- Mục tiêu đào tạo và quy chế trường chuyên.

- Nội dung chương trình và SGK nâng cao.
- Văn bản hướng dẫn nội dung dạy học trường chuyên ban hành năm 2001.
- Đặc điểm của HS chuyên văn.

4.3. Về phương pháp và phương tiện dạy học

Quán triệt tinh thần đổi mới phương pháp dạy học đã ghi trong chương trình Ngữ văn THPT:

- Khắc phục lối dạy nhồi nhét, thầy đọc trò ghi, sau đó học thuộc lòng, trả bài.
- Phát huy cách dạy phát huy tính tích cực chủ động, sáng tạo của HS trong quá trình học tập: khuyến khích HS nêu cách hiểu của mình một cách chủ động, không sợ sai; khuyến khích tinh thần đối thoại giữa HS với nhau, giữa HS với SGK, sách tham khảo, HS với GV, tạo không khí học tập cởi mở, dân chủ, từ đó phát huy cá tính của mỗi HS.
- Đổi mới cách dạy theo hướng đọc hiểu tác phẩm văn học của nhà văn, không bằng lòng với việc phân tích đã có, mà bám sát văn bản, khai thác các phương thức biểu đạt của văn bản, vận dụng ngữ cảnh và tính sáng tạo của HS để tìm ra ý mới.
- Kết hợp nhuần nhuyễn đọc văn và viết văn, học cách diễn đạt chính xác, có lập luận vững chắc, có mức độ, có văn.
- Chú trọng nêu các vấn đề cho HS suy nghĩ, thảo luận.
- Hướng dẫn các đề tài nghiên cứu nhỏ, tận dụng các bài tập nâng cao (bài tập nghiên cứu) trong SGK nâng cao, đồng thời bổ sung thêm các bài tập khác. Vận dụng tốt sách Bài tập ngữ văn nâng cao.
- Đọc sách tham khảo có chọn lọc, không đọc tràn lan, dành thì giờ để tự nghiên cứu.
- Hướng dẫn sưu tầm tư liệu, cắt dán tư liệu trên báo chí, trao đổi tư liệu, hợp tác trong học tập. Phân biệt tư liệu văn học sử (năm sinh, mất, các sự kiện của nhà văn, thời điểm sáng tác, hoàn cảnh sáng tác...) với tư liệu lí luận (chú

trọng vận dụng tri thức đọc hiểu trong SGK nâng cao), hướng dẫn tra từ điển văn học, từ điển danh nhân, từ điển thuật ngữ văn học, từ điển tiếng Việt.

- Hướng dẫn HS ghi nhật kí đọc văn, viết các ý kiến nhỏ nhằm trình bày ý riêng hoặc tranh luận, viết bài cho *Văn học và tuổi trẻ* để cùng thảo luận.

- Khuyến khích đọc báo chuyên ngành có chọn lọc.

Các bước dạy học chuyên đề

a) Chuẩn bị

- Giáo viên nghiên cứu nội dung chuyên đề, nắm vững các định hướng.
- Xác định đối tượng và nội dung dạy học.
- Tìm tài liệu tham khảo thích hợp.
- Xác định cách thức tổ chức giờ học, cho HS thuyết trình, trao đổi trên lớp.
- Thiết kế bài dạy.

b) Các bước dạy học

- Giới thiệu nội dung, mục đích yêu cầu.
- Tổ chức các hoạt động cho HS
- Tổng kết chuyên đề, rút kinh nghiệm.
- Đánh giá, khuyến khích HS học giỏi.

4.4. Về đánh giá kết quả học tập của học sinh

Sau khi học hết một hay vài chuyên đề cần phải có hình thức kiểm tra đánh giá. Nên chung hình thức kiểm tra đánh giá kết quả học chuyên đề cũng khụng có gì khác so với cở hình thức của nội dung chớnh khoỏ. Tức là cũng có những hình thức kiểm tra như sau :

- Kiểm tra bằng bài viết .

- Kiểm tra miệng .
- Chấm bài tập nghiên cứu và sổ tay ghi chép việc học ở nhà .

Cần suy nghĩ để đổi mới không chỉ nội dung kiểm tra mà cả cách thức kiểm tra đánh giá để có thể hạn chế được tính chủ quan, cảm tính của người đánh giá.

4.5. Danh mục tài liệu tham khảo tối thiểu

- ***Các chuyên đề Lí luận văn học***

Chuyên đề 1:

1. *Lí luận văn học*, Phương Lưu, Trần Đình Sử, Lê Ngọc Trà...nxb. Giáo dục, Hà Nội, 2003, các chương 6,7,8.
2. Lê Bá Hán, Trần Đình Sử, Nguyễn Khắc Phi (đồng chủ biên, Trần Đình Sử bổ sung và chỉnh lí). *Từ điển thuật ngữ văn học*, nxb. GD, Hà Nội, 2004.
3. Lại Nguyên Ân biên soạn. *150 thuật ngữ văn học*, nxb. Đại học Quốc gia, Hà Nội, 1999. Trần Đình Sử. *Văn nghệ và giải trí*, Tạp chí văn học, số 4 – 1996.
4. Phương Lưu. *Tiếp nhận văn học*, nxb. Giáo dục, Hà Nội, 1997.

Chuyên đề 2:

1. *Lí luận văn học*, Tập 3, Đại học sư phạm, Hà Nội, 2006. Phương Lưu, La Khắc Hoà ...biên soạn, xem các chương 1 và 2.
2. *Từ điển thuật ngữ văn học*, Trần Đình Sử chủ biên bổ sung, chỉnh lí, nxb. Giáo dục, Hà Nội, 2004.
3. *Dẫn giải ý tưởng văn chương*, Henri Benac biên soạn, nxb. Giáo dục, Hà Nội, 2005.

- ***Các chuyên đề Văn học Việt Nam***

Chuyên đề 4:

1. *Thời xa vắng*. Lê Lưu, NXB Tác phẩm mới, 1986.
2. *Cỏ lau*. Nguyễn Minh Châu, NXB Văn học, 1989.
3. *Thiên sứ*. Phạm Thị Hoài, Tạp chí Tác phẩm văn học số 7, 1988.
4. *Nỗi buồn chiến tranh* (còn có tên khác *Thân phận của tình yêu*). Bảo Ninh, NXB Hội nhà văn, 1990.
5. *Những ngọn gió Hua Tát*. Nguyễn Huy Thiệp, NXB Văn hoá, 1989.
6. *Bóng chữ*. Lê Đạt, NXB Hội nhà văn, 1994.
7. *Di cảo thơ*. Chế Lan Viên, Chế Lan Viên toàn tập tập 2, NXB Văn học, 2002.

Chuyên đề 5:

1. *Văn xuôi Việt Nam 1975 – 1995: những đổi mới cơ bản*. Nguyễn Thị Bình, NXB Giáo dục, 2007.
2. *Thơ trữ tình Việt Nam 1975 – 1990*. Lê Lưu Oanh, NXB ĐHQGHN, 1998.
3. *Đi tìm Nguyễn Huy Thiệp*. Phạm Xuân Nguyên st, NXB VHTT, HN, 2001.
4. *Văn học Việt Nam trong thời đại mới*. Nguyễn Văn Long, NXB GD, HN, 2002.

Chuyên đề 6:

1. *Sáng tạo, nghệ thuật, hiện thực, con người*. Tập II. M.B.Krap – trenkô. Nguyễn Hải Hà, Lại Nguyên Ân, Duy Lập dịch. Trần Đình Sử hiệu đính. Nxb Khoa học Xã hội. 1985. Đọc phần III, chương 3 : *Thi pháp học, phong cách học, lý luận văn học*.
2. *Từ điển văn học*. Tập II. Nhiều tác giả. Nxb Khoa học xã hội. 1984. Đọc mục từ *Phong cách* (Phương Lưu viết).
3. *Từ điển thuật ngữ văn học*. Lê Bá Hán, Trần Đình Sử, Nguyễn Khắc Phi đồng chủ biên. Trần Đình Sử bổ sung, chỉnh lí. Nxb Giáo dục. 2004.
Đọc mục từ *Phong cách*
4. *Nhà văn Việt Nam hiện đại, chân dung và phong cách*. Nguyễn Đăng Mạnh. Nxb Trẻ TP Hồ Chí Minh. 2000.

5. *Từ điển tác gia, tác phẩm văn học Việt Nam, dùng cho nhà trường*. Nguyễn Đăng Mạnh, Bùi Duy Tân, Nguyễn Như Ý đồng chủ biên. Nxb Đại Học Sư Phạm. 2004. Đọc các mục từ: *Nguyễn Ái Quốc, Tố Hữu, Xuân Diệu, Chế Lan Viên, Nguyễn Đình Thi*.
6. *Mấy vấn đề về phương pháp tìm hiểu, phân tích thơ Hồ Chí Minh*. Nxb Đại học quốc gia Hà Nội. 1999.
7. *Tố Hữu - Về tác gia, tác phẩm*. Nxb Giáo dục. 1999
8. *Xuân Diệu – ông hoàng của thơ tình*. Hà Minh Đức biên soạn. Nxb Giáo dục. 2007.
9. *Chế Lan Viên giữa chúng ta*. Lê Quang Trang, La Yên biên soạn. Nxb Giáo dục. 2000.

Chuyên đề 8:

1. *Nhà văn Việt Nam hiện đại, chân dung và phong cách*. Nguyễn Đăng Mạnh. Nxb Trẻ Tp. Hồ Chí Minh. 2000.
2. *Cây bút đời người*. Vương Trí Nhàn. Nxb Trẻ. 2002. Đọc các bài về Nguyễn Khải, Nguyễn Tuân.
3. *Tuyển tập 15 năm tạp chí văn học và tuổi trẻ*. Tập một: *Chân dung văn học*. Nhiều tác giả. Nxb Giáo dục. 2008.
Đọc các bài về Nguyễn Công Hoan, Nguyễn Tuân, Nguyên Hồng, Nam Cao, Nguyễn Khải, Nguyên Ngọc.
4. *Đời người, đời văn*. Ngô Thảo. Nxb Hội nhà văn. 2000. Đọc các bài về Nguyên Hồng, Nguyễn Khải, Nguyên Ngọc.
5. *Nguyễn Công Hoan - về tác gia tác phẩm*. Nhiều tác giả. Nxb Giáo dục. 2000.
6. *Nguyễn Tuân - về tác gia, tác phẩm*. Nhiều tác giả. Nxb Giáo dục 1999.
7. *Nguyên Hồng, thân thế và sự nghiệp*. Nguyễn Đăng Mạnh. Nxb Hải Phòng. 1997.
8. *Nam Cao - về tác gia, tác phẩm*. Nhiều tác giả. Nxb Giáo dục. 1998.
9. *Nguyễn Khải - về tác gia, tác phẩm*. Nhiều tác giả. Nxb Giáo dục. 2002.

Chuyên đề 9:

1. *Lịch sử văn học Việt Nam*. Tập III. Nguyễn Đăng Mạnh, Nguyễn Văn Long đồng chủ biên. Nxb Đại học Sư phạm. 2007. Đọc các chương I (*Nền văn học mới từ sau Cách mạng tháng Tám 1945*. Nguyễn Đăng Mạnh viết), chương II (*Thơ 1945 – 1975*. Nguyễn Văn Long viết), chương VII (*Thế hệ các nhà thơ trẻ thời kỳ chống Mỹ cứu nước*. Trần Đăng Xuyền viết), chương XI (*Truyện và ký*. Nguyễn Văn Long viết).
2. *Tiếp cận và đánh giá văn học Việt Nam sau Cách mạng tháng Tám*. Nguyễn Văn Long. Nxb Giáo dục. 2001.
3. *Tiến trình thơ hiện đại Việt Nam*. Mã Giang Lân. Nxb Giáo dục. 2000. Đọc Phần I, các chương 7, 8, 9.
4. *Văn học Việt Nam thế kỷ XX*. Phan Cự Đệ chủ biên. Nxb Giáo dục. 2004. Đọc các phần II (*Tiểu thuyết*. Phan Cự Đệ viết), phần III (*Truyện ngắn*. Bùi Việt Thắng viết), phần IV (*Ký*. Lê Dục Tú và Bích Thu viết), phần V (*Thơ*. Mã Giang Lân viết).

• **Các chuyên đề Tiếng Việt**

1. Đỗ Hữu Châu. *Từ vựng – ngữ nghĩa tiếng Việt*. NXB GD, 1999
2. Đỗ Việt Hùng, Nguyễn Thị Ngân Hoa. *Phân tích phong cách ngôn ngữ tác phẩm văn học*. NXB ĐHSP, 2003
3. Đinh Trọng Lạc. *99 phương tiện và biện pháp tu từ tiếng Việt*. NXB GD, 1995
4. Đinh Trọng Lạc. *Thực hành phong cách học tiếng Việt*. NXB GD, 1994
5. Đinh Trọng Lạc, Nguyễn Thái Hòa. *Phong cách học tiếng Việt*. NXB GD, 1995
6. Bùi Minh Toán. *Từ trong hoạt động giao tiếp tiếng Việt*. NXB GD, 1999

• **Các chuyên đề Làm văn**

1. *Văn nghị luận Việt Nam đầu thế kỷ XX* - Nhiều tác giả- NXB Văn học 2003
2. *Đa-ghe-xtan của tôi* - R. Gam-ra-tốp – NXB Cầu vồng 1984
3. *Bông hồng vàng* – Pau-tốp-xki, NXB Văn học 1968
4. *Hương sắc trong vườn văn* – Nguyễn Hiến Lê, NXB Nguyễn Hiến Lê- Sài Gòn 1961

5. *Muốn viết được bài văn hay* (Tái bản lần 10- có bổ sung sửa chữa) Nguyễn Đăng Mạnh (chủ biên) – NXB GD 2007
6. *Văn- Bồi dưỡng học sinh giỏi THPT-* Nguyễn Đăng Mạnh (chủ biên)- NXB ĐHQG Hà Nội 2002
7. *Những bài văn được giải quốc gia- Học sinh giỏi THPT-* (Hà Bình Trị tuyển chọn) NXB GD 2003
8. *Hạt giống tâm hồn* (nhiều tập) - Nhiều tác giả, NXB Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh 2004
9. *Làm văn* (Giáo trình CĐSP)- Đỗ Ngọc Thống (chủ biên) – Nguyễn Thành Thi- Phạm Minh Diệu, NXB ĐHSP Hà Nội, 2007
10. *Hệ thống đề mở Ngữ văn 10* - Đỗ Ngọc Thống (chủ biên)- Nguyễn Thị Nương- Nguyễn Thị Thu Hiền - Nguyễn Thị Hồng Vân – NXB Giáo dục (2007)
11. *Hệ thống đề mở Ngữ văn 11* - Đỗ Ngọc Thống (chủ biên)- Nguyễn Thị Nương- Nguyễn Thành Thi- Nguyễn Thị Hồng Vân – NXB Giáo dục (2008)